

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024- 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG:

Căn cứ Luật giáo dục 2019 (Điều 25, khoản 1)

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 23/12/2020 của Bộ GD-ĐT ban hành chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số: 2324/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh của Sở giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

Căn cứ công văn số 1454/HD- .PGD&ĐT- Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025 và hướng dẫn tổ chức tựu trường, khai giảng năm học 2024-2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều;

Căn cứ vào Kết quả rà soát, đánh giá phân tích hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục năm học trước và đặc điểm phát triển tâm sinh lý, nhận thức của trẻ mầm non;

Căn cứ tài liệu hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Căn cứ vào cơ sở vật chất nhà trường và văn hóa – xã hội của địa phương mang tính vùng miền, địa phương đòi hỏi phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho phù hợp với đặc điểm, khả năng và nhu cầu của trẻ; phù hợp với đặc điểm văn hóa – xã hội và điều kiện thực tế của trường mầm non Hoàng Quế và của địa phương.

Ban xây dựng chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024- 2025 xây dựng chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục nhà trường như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài (cơ hội, thách thức)

1.1. Thời cơ:

- Là trường Mầm non công lập đóng trên địa bàn phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Phường Hoàng Quế là một phường được phát triển từ một xã đặc thù nông nghiệp của thị xã Đông Triều, hiện nay phường phát triển về kinh tế có một số cơ quan doanh nghiệp đóng trên địa bàn, nhân dân cũng dần được ổn định về vị trí việc làm trong các doanh nghiệp thuận lợi trong công tác huy động trẻ ra lớp.

- Mức thu nhập của dân số trên địa bàn phần nhiều chưa cao nên việc huy động các khoản đóng góp cũng như thực hiện các nguồn thu còn gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

- Đa số phụ huynh trên địa bàn đều có nhận thức chưa đồng đều nên nhu cầu, đòi hỏi của phụ huynh về giáo dục và các chương trình giáo dục dành cho trẻ khác đòi hỏi nhà trường phải cập nhật thường xuyên và phải thực hiện tốt nội dung chăm sóc giáo dục trẻ.

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, chính quyền địa phương sự phối hợp có hiệu quả của các cấp, các ngành đã giúp cho nhà trường phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Đặc biệt là chỉ đạo sát sao của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều luôn tạo mọi điều kiện cho trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Nhà trường đã có nhiều năm làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, huy động nhiều nguồn lực để có kinh phí đầu tư xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất mua sắm trang thiết bị đồ dùng đồ chơi.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có tinh thần trách nhiệm nhiệt tình, yêu nghề, mến trẻ có năng lực chuyên môn vững vàng có phẩm chất đạo đức tốt luôn được phụ huynh tin tưởng, học sinh yêu quý.

1.2. Thách thức:

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn

được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; Các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường Mầm non cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn phường Hoàng Quế nói riêng và thị xã Đông Triều nói chung.

- Số trẻ sinh không đều theo các năm vì vậy số học sinh trên các nhóm lớp không đồng đều một số nhóm lớp có số học sinh vượt quá so với quy định.

- Do đa số phụ huynh có con em trong độ tuổi nhà trẻ là công nhân làm ca nên phần lớn gửi con, em vào các nhóm lớp mầm non độc lập, hoặc thuê bảo mẫu để thuận lợi trong việc đón sớm, trả muộn.

- Phụ huynh có tư tưởng kỳ vọng và có mong muốn trẻ được học chương trình giáo dục mầm non cao so với quy định đã gây nhiều áp lực cho CBGV trong nhà trường.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường:

2.1. Điểm mạnh:

2.1.1. Truyền thống, thương hiệu/ uy tín, triết lý/ phương châm giáo dục và tầm nhìn của nhà trường:

- Trường Mầm non Hoàng Quế có bề dày truyền thống, thương hiệu uy tín trong lĩnh vực giáo dục. Trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền lãnh đạo thị xã, địa phương và phòng GD quan tâm và luôn sâu sát trong công tác chỉ đạo, tạo mọi điều kiện hỗ trợ để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Tập thể trường Mầm non Hoàng Quế đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tích cao, cụ thể:

- + Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2023 - 2024.

- + 100% CB-GV-NV đạt danh hiệu LĐTT.

- + 01 cán bộ quản lý được Sở giáo dục tặng giấy khen

- + 05 giáo viên đạt danh hiệu CSTĐ Cơ sở

- + 05 đ/c được nhận Giấy khen của UBND thị xã.

- Cơ cấu tổ chức:

+ **Đội ngũ:** Toàn trường có 32 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong đó:

+ **CBQL:** 03 người (Trình độ ĐHSP: 03). BGH luôn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ **Đội ngũ giáo viên:** Nhà trường có 27 giáo viên đều có trình độ chuyên môn (Trong đó: 26 ĐHSP, 01 TCSP). Đa số giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; yêu nghề, yêu trẻ, năng động, không ngại đổi mới và học tập ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.

+ Nhà trường có chi bộ: Số lượng đảng viên là 31 đ/c đạt tỷ lệ 96,9%.

+ Công đoàn Nhà trường trực thuộc Liên đoàn Lao động thị xã Đông Triều.

+ Chi đoàn: 10 đoàn viên.

+ **Đội ngũ giáo viên nhiệt tình tâm huyết,** nhiều giáo viên có tay nghề vững vàng, sáng tạo trong giảng dạy, tích cực tham gia các hội thi, hội giảng của Ngành tổ chức. Tại thời điểm toàn trường có 09/27 giáo viên đã đạt danh hiệu dạy giỏi cấp cơ sở năm học 2023-2024.

+ Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm tối thiểu theo quy định.

+ Trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường, tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoài giờ, huy động được đông đảo phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường và đóng góp ủng hộ tu bổ cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện do địa phương và ngành phát động.

+ Xây dựng đội ngũ đoàn kết, thống nhất, có chất lượng chuyên môn ổn định, có phong trào thi đua thường xuyên, tạo được niềm tin đối với phụ huynh. Nhiều năm trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến

- Các nguồn lực của nhà trường (nhân lực, tài lực, vật lực).

+ Môi trường cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học, phòng học được trang bị đảm bảo số lượng, chất lượng, có các yếu tố an toàn cao, phục vụ đúng mục đích giáo dục từng độ tuổi. Nhà trường có 13 phòng học (trong đó có 10 phòng được trang bị theo hướng kiên cố, còn 3 phòng bán kiên cố), phòng học được trang bị đầy đủ các đồ chơi theo thông

tư số 02 của Bộ GD, lớp 4- 5 và 5- 6 tuổi được trang bị thiết bị thông minh, giúp phát huy tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường còn có phòng thư viện, phòng nghệ thuật, phòng đa chức năng, sân khấu để thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và giúp trẻ phát triển các năng khiếu.

2.1.2. Đặc điểm phát triển của trẻ trong nhà trường:

- Trẻ phát triển đảm bảo và đầy đủ các lĩnh vực phát triển của từng độ tuổi. Nhà trường kiểm soát chất lượng đầu vào và có cam kết đầu ra với phụ huynh nên chất lượng học sinh luôn đảm bảo theo quy định.

- Năm học 2024- 2025, nhà trường dự kiến huy động 321 trẻ với 13 nhóm, lớp. Trong đó:

+ Tổng số nhóm lớp: 13 nhóm, lớp, số trẻ: 321 (trong đó: NT: 03 nhóm; Lớp MG 3-4 tuổi: 03 lớp; Lớp MG 4-5 tuổi: 04 lớp; Lớp MG 5-6 tuổi: 03 lớp.

Trong đó: Điểm trung tâm Cổ Lễ: 198 (NT: 37; Lớp MG 3 - 4 tuổi: 50; Lớp MG 4-5 tuổi: 50; Lớp MG 5-6 tuổi: 61);

Điểm lẻ Tràng Bạch: 80 (Lớp MG 3-4 tuổi: 25; Lớp MG 4-5 tuổi: 25; Lớp MG 5 tuổi: 30);

Điểm lẻ Quế Lạt: 43 (NT:18; Lớp MG 4-5 tuổi: 25)

2.1.3. Đặc điểm văn hoá địa phương:

+ Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

+ Là trường Mầm non đóng trên địa bàn phường Hoàng Quế thị xã Đông Triều; trường Mầm non Hoàng Quế được đặt ở vị trí khu trung tâm Phường, gần các khu dân cư nên rất thuận lợi cho việc đi lại học tập của trẻ và đưa đón trẻ của gia đình.

+ Phụ huynh đa số có kinh tế ổn định, có sự đầu tư, quan tâm, chăm lo cho việc học của con em, nhất là lứa tuổi mầm non rất được cha mẹ học sinh đặc biệt quan tâm. Nhu cầu của CMHS gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng lên. Số lượng học sinh tham gia học tập tại trường ngày càng cao.

2. 2. Điểm yếu:

- Trình độ chuyên môn của những giáo viên cao tuổi do học qua nhiều giai đoạn việc ứng dụng CNTT, cũng như ngoại ngữ còn hạn chế

- Nhà trường còn thiếu 1 phòng đa chức năng, phòng tin học chật hẹp, thiết bị máy tính dùng cho phòng học thông minh còn ít và hỏng không sử dụng được, khó khăn cho việc thực hiện phát triển công nghệ số vào giảng dạy.

- Khu Điểm Tràng Bạch có 3 phòng học bán kiên cố, công trình đã xuống cấp, điểm lẻ lại gần cơ sở mầm non độc lập tư thục nên khó khăn trong việc huy động trẻ đến trường.

- Trường có 02 điểm lẻ nên khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức các hoạt động chung: Ngày hội ngày lễ, Hội thi... đặc biệt khó khăn trong quản lý cơ sở vật chất.

- Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng, đầu tư đã lâu nên nhiều hạng mục đã xuống cấp. Danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi chưa được bổ sung kịp thời theo quy định.

2. 3. Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

*** *Tâm nhìn***

Trường Mầm non Hoàng Quế ngày càng khẳng định chất lượng hàng đầu trong CSGD trẻ mầm non thị xã Đông Triều. Trở thành một trong những trường trọng tâm, đạt mục tiêu phát triển mô hình trường mầm non công lập chất lượng cao, liên tục đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng lí luận và thực tiễn, trải nghiệm,. Hội nhập với xu hướng giáo dục hiện đại, đồng thời vẫn giữ nguyên bản sắc văn hóa, dân tộc. Tạo được niềm tin, là nơi gửi gắm tin cậy đối với phụ huynh bởi chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục lấy trẻ làm trung tâm hướng tới mục tiêu: Trẻ phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ, nơi giáo viên và trẻ luôn vươn tới để ngày càng hoàn thiện hơn.

*** *Sứ mệnh***

Trường Mầm non Hoàng Quế xây dựng môi trường học tập vui chơi, an toàn, lành mạnh, thân thiện, tôn trọng trẻ, xây dựng cho trẻ một tâm hồn đẹp với những phẩm chất tốt, bồi đắp những kiến thức phong phú thông qua các hoạt động trải nghiệm, dựa trên quan điểm coi trọng sự đa dạng về trí tuệ của trẻ, hướng tới xây dựng trường mầm non hạnh phúc.

Tạo nên một thể hệ trẻ mầm non luôn có niềm đam mê trong học tập, cởi mở, tự tin, đủ năng lực khám phá tri thức, được nuôi dưỡng nghị lực và lòng nhân ái.

Xây dựng một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo với một chương trình giảng dạy có ý nghĩa khai thác tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Tạo cơ hội và thúc đẩy trẻ học hỏi và phát triển theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

*** Giá trị cốt lõi**

Xây dựng trường mầm non Hoàng Quế trở thành “Nơi trẻ em luôn hạnh phúc, có cơ hội sáng tạo và thể hiện tài năng”. Vững vàng bước đi trên con đường hiện tại và tương lai, dựa trên nền tảng là những con người Tự lập- Thông minh- Sáng tạo- giàu lòng nhân ái”

Tất cả trẻ đều được tiếp cận giáo dục cá nhân và theo năng lực

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn trong mỗi đứa trẻ, **cho trẻ tiếp cận với công nghệ kỹ thuật số**, hình thành và phát triển tư duy số, hành động số và hạnh phúc số cho trẻ tạo tiền đề cho trẻ dần trở thành một công dân số trong tương lai. **Bước đầu làm quen với tiếng Anh cơ bản**, hình thành và phát triển ở trẻ những năng lực phẩm chất để trở thành công dân toàn cầu.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Xác định mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục¹

1.1. Chương trình giáo dục nhà trẻ:

1.1.1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được *đầy đủ* các vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- *Có khả năng phối hợp các giác quan để thực hiện một số hoạt động.*
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

¹ Trên cơ sở mục tiêu chung của chương trình nhà trường đã được xác định, cần xác định mục tiêu giáo dục trẻ cuối độ tuổi, kết quả mong đợi theo từng độ tuổi trong chương trình và sự phát triển của trẻ từng độ tuổi trong thực tế.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm, ích lợi của việc ăn uống đầy đủ đối với sức khỏe và phòng chống dịch bệnh.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân của bạn.

1.1.2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

1.1.3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

1.1.4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....[4]

1.2. Chương trình giáo dục mẫu giáo:

1.2.1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản *một cách vững vàng, đúng tư thế*.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- *Có khả năng phối hợp các giác quan để thực hiện một số hoạt động.*
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe và *phòng tránh bệnh tật.*
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân và của bạn.

1.2.2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- *Ham hiểu biết, thích khám phá văn hóa địa phương, văn hóa vùng miền.*
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- *Có khả năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động khám phá, hoạt động nhận thức tìm hiểu về kiến thức, rèn các kỹ năng phù hợp với độ tuổi.*
- *Nhận biết, gọi đúng tên các trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, tin học*
- *Thực hiện các yêu cầu của hoạt động, trò chơi trên các phần mềm học tập cũng như vui chơi theo các lĩnh vực phát triển khi được yêu cầu.*
- Có hứng thú với khám phá thiết bị số thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tin học;

1.2.3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Có khả năng nói và phát âm một số từ, câu đơn giản bằng tiếng Anh phù hợp với độ tuổi.
- Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu trong hoạt động ứng dụng công nghệ số vào làm quen với tin học;
- Nghe hiểu và thực hiện được các thao tác trên thiết bị, phương tiện thiết bị số khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi;

1.2.4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Mạnh dạn và tự tin tham gia vào các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho trẻ mầm non.
- Có ý thức tôn trọng, bảo tồn, gìn giữ văn hóa vùng miền, văn hóa địa phương.

1.2.5. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
- Có khả năng sử dụng các nguyên liệu sẵn có tại địa phương để tạo ra sản phẩm nghệ thuật mang đậm bản sắc dân tộc vùng miền.
- Bước đầu tiếp cận với các thể loại nhạc dân tộc đặc trưng vùng miền nơi trẻ sống, các thể loại nhạc không lời, bản nhạc nước ngoài, bản nhạc bằng tiếng anh, song ngữ.

2. Kế hoạch thực hiện.

2.1. Phân phối thời gian.

- Chương trình thiết kế 35 tuần/năm học.
- Học kỳ I: 18 tuần (Từ ngày 5/9/2024 đến ngày 10/01/2025);
- Học kỳ II: 17 tuần bắt đầu từ ngày 17/02/2025 đến ngày 23/5/2025.
- Mỗi tuần làm việc 5 ngày từ thứ 2 đến thứ 6.

- Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường theo Hướng dẫn số: 1454/HD-PGD&ĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc Thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 và tổ chức cho học sinh tự trường, khai giảng năm học 2024-2025

- Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của toàn ngành.

2. 2. Chế độ sinh hoạt

2.2.1. Chế độ sinh hoạt nhà trẻ

TT	THỜI GIAN MÙA HÈ	SỐ PHÚT	NỘI DUNG	THỜI GIAN MÙA ĐÔNG	SỐ PHÚT
	6h45 - 7h45	60	Vệ sinh - Đón trẻ, điểm danh	7h00 - 8h00	60
	7h45 - 8h00	15	Thể dục sáng	7h45 - 8h15	20
	8h00 - 8h30	30	Chơi - tập có chủ định	8h15 - 8h45	30
	8h30 - 9h10	40	Chơi ngoài trời, chơi ở các góc	8h45 - 9h25	40
	9h10 - 10h00	50	Chơi tự chọn	9h25 - 10h15	50
	10h00 - 11h00	60	Chuẩn bị - Vệ sinh - Ăn chính	10h15 - 11h15	60
	11h00 - 13h30	150	Vệ sinh - Ngủ	11h15 - 13h45	150
	13h30 - 14h20	50	Vệ sinh - Ăn phụ	13h45 - 14h30	45
	14h20 - 15h30	70	Chơi buổi chiều	14h30 - 15h30	60
	15h30 - 16h30	60	Chơi – Vệ sinh - Trả trẻ	15h30 - 16h30	60

2.2.2. Chế độ sinh hoạt mẫu giáo

TT	THỜI GIAN MÙA HÈ	SỐ PHÚT	NỘI DUNG	THỜI GIAN MÙA ĐÔNG	SỐ PHÚT
1	6h45 - 7h45	60	Đón trẻ, chơi - Điểm danh	7h00 - 8h00	60
2	7h45 - 8h00	15	Thể dục sáng	8h00 - 8h15	15
3	8h00 - 8h40	40	Hoạt động học	8h15 - 8h55	40
4	8h40 - 9h20	40	Chơi ngoài trời	8h55 - 9h25	30
5	9h20 - 10h10	50	Chơi, hoạt động ở các góc	9h25 - 10h15	50
6	10h10 - 11h20	70	Chuẩn bị - Vệ sinh - Ăn chính	10h15 - 11h25	70
7	11h20 - 13h50	150	Vệ sinh - Ngủ	11h25 - 13h55	150
8	13h50 - 14h20	30	Vệ sinh - Ăn bữa phụ	13h55 - 14h25	30
9	14h20 - 15h40	80	Chơi buổi chiều	14h25 - 15h45	80
10	15h40 - 16h50	70	Chơi theo ý thích - VS - Trả trẻ	15h45 - 16h50	65

3. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi (mục tiêu)

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

3.1.1. Nhà Trẻ:

* Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)	
12 – 24 tháng	12- 18 tháng	Cháo + sữa mẹ	930-1000 Kcal	600 – 651 Kcal
	18- 24 tháng	Cơm nát- sữa mẹ		
24-36 tháng	Cơm thường			

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

*** Tổ chức ngủ**

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

*** Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

*** Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm vào tháng 10 và tháng 3. Cân đo 3 lần/1 năm. Theo dõi sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng/1 lần. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

3.1.2. Mẫu giáo:

*** Tổ chức ăn**

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

*** Tổ chức ngủ**

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

*** Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

*** Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm vào tháng 10 và tháng 3. Cân đo 3 lần/1 năm. Theo dõi sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng/1 lần. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

3.2. Giáo dục

3.2.1. Độ tuổi nhà trẻ 25- 36 tháng tuổi

*** MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG**

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
1		Ăn
	MT1: Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	- Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu cần khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651 Kcal. - Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần. - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định: + Yêu cầu tối thiểu: Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13- 20%, L: 30- 40%, G: 47- 50%; - Ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Uống nước đủ: Từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/ (bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
2		Ngủ
	MT2: Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi: - Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút. - Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

		- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút. - Luyện thói quen ngủ trưa 1 giấc - Trẻ ngủ ngon, ngủ sâu giấc. - Trẻ được đảm bảo an toàn khi ngủ:
3	Vệ sinh	
	MT3: Trẻ biết giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.	- Trẻ được vệ sinh cá nhân trước khi ăn, sau khi ăn và sau khi đi vệ sinh: + Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ gìn nhà vệ sinh sạch sẽ + Hướng dẫn trẻ rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. + Trẻ uống nước, súc miệng sau khi ăn. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	MT4: Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh:	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
4	Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
	MT5: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A	- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/ năm); - Cân đo theo định kỳ: Cân – đo 3 tháng/ lần; - Đối với trẻ suy dinh dưỡng cân đo 1 tháng/lần;

	- Trẻ 24 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 9,7 đến 15,3 (kg) Chiều cao: 91,7 đến 93,9 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 (kg) Chiều cao: 80,0 đến 92,2 cm - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 (kg) Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 (kg) Chiều cao: 87,4 đến 102,7cm	- Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác; - Theo dõi và đánh giá sức khỏe hàng ngày. - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: Uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
	MT6: Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn.	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như: Tai nạn do sặc nước; do chấn thương; do ngạt trong khi ngủ; do dị ứng thức ăn, do điện giật...

*** MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC**

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1	Phát triển vận động	
1.1	Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT7: Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra

		sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
1.2	Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
	MT8: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn.	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - Trườn chui qua cổng - Bò qua vật cản - Trườn qua vật cản
	MT9: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi.	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô
	MT10: Trẻ biết nhún bật tại chỗ và bật qua vạch kẻ	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân - Nhún bật về phía trước - Bước lên xuống bậc cao 15 cm - Bước lên xuống bậc có vịn
	MT11: Trẻ thực hiện phối hợp tay- mắt trong vận động tung, bắt bóng.	- Tung- bắt bóng với cô (ở khoảng cách 1m) - Tung bóng bằng 2 tay

		- Tung bóng qua dây
	MT12: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh .
	MT13: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Ném bóng về phía trước (ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) - Ném bắt bóng vào đích (ném vào đích xa 1-1,2m.) - Ném bóng (túi cát) về phía trước - Đá bóng vào đích (đích xa 1-1,2m)
1.3	Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
	MT14: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “múa khéo”.	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”, xoa chạm các đầu ngón tay vào nhau.
	MT15: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn: Vẽ tổ chim: khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện các vận động: + Tập khâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây + Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. + Đóng cọc bàn gỗ. + Nhón nhặt đồ vật.
2	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1	Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
	MT16: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
2.2	Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	

	MT17: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép.	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất...
	MT18: Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn.	- Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tự lấy nước uống, đi vệ sinh..
	MT19: Trẻ biết cởi tất, quần áo khi bị bẩn, biết cầm khăn lau miệng, lau mặt.	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Không mặc quần áo ướt, bẩn.
	MT20: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép.
2.3	Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
	MT21: Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần.	- Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.
	MT22: Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm(leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Phát triển khả năng tưởng tượng, hợp tác nhóm để giải quyết vấn đề nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn - Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.
II	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1	Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	

	MT23: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng đặc trưng của địa phương.	- Sờ, nắn, nhìn, ngửi, nếm vị ...món ăn, hoa quả đặc trưng của địa phương. - <i>Sờ nắn một số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn của một số đồ vật đặc trưng của địa phương.</i>
	MT24: Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau của địa phương.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật (trống to, trống nhỏ, trống cơm, thanh phách, xắc xô, đàn, kèn, chuông, đồng hồ...), tiếng kêu của một số con vật (chó, mèo, gà vịt) quen thuộc. - <i>Nghe và nhận biết tiếng kêu một số con vật quen thuộc có số lượng, tốc độ (nhANH, chậm) khác nhau</i>
2	Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	
	MT25: Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	MT26: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi bằng tiếng dân tộc tại địa phương.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.
	MT27: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
	MT28: Trẻ biết tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm.	- Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp.
	MT29: Trẻ gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp .

	MT30: Trẻ gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
	MT31: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc tại địa phương.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, rau quen thuộc tại địa phương.
	MT32: Chỉ nói tên và lấy hoặc cất đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh qua một số đồ vật, đồ chơi, nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương.
	MT33: Chỉ nói tên hặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ của một số đồ vật, đồ chơi, nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương.
	MT34: Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
	MT35: Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
	MT36: Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
III	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1	Nghe hiểu lời nói	
	MT37: Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc tại địa phương.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
	MT38: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Ai đây”, “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “thế nào?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “ Tại sao”

	MT39: Trẻ biết nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
	MT40: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn, hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.
	MT41: Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố của địa phương.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố của địa phương.
2	Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
	MT42: Trẻ biết phát âm rõ tiếng. <i>Phát âm rõ âm khó trong chủ đề</i>	- Phát âm các âm khác nhau. - <i>Nói rõ các âm s/x: ch/tr</i> <i>Nói rõ các tiếng ví dụ Trường mầm non, Lớp măng non, nhút nhát...</i>
	MT43: Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ có 3- 4 tiếng. - Đọc một số bài thơ, đồng dao, ca dao theo chủ đề với sự hướng dẫn của cô.
3	Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
	MT44: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	MT45: Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Lắng nghe khi người lớn nói, đọc sách.

	MT46: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	- Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ Con gì đây?”: “Cái gì đây?”
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
1	Biểu lộ sự nhận thức của bản thân	
	MT47: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết gọi, một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tay, chân.
	MT48: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ.
2	Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
	MT49: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn.
	MT50: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận của cô.
	MT51: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
	MT52: Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.
3	Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
	MT53: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa, giao tiếp chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.

	MT54: Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thiện hành vi xã hội đơn giản.	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
	MT55: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng chơi.
	MT56: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định.
4	Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
	MT57: Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc.	- <i>Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc trong nước và quốc tế, nhạc dân gian.</i>
	MT58: Trẻ biết lắng nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ. - <i>Nghe nhạc nước ngoài</i>
	MT59: Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cân bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).
	MT60: Trẻ thích xem tranh	- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc
	MT61: Mạnh dạn tham gia các hoạt động trả lời câu hỏi	- <i>Tham gia đầy đủ các hoạt động trong lớp: học, chơi, nhảy múa.. giờ tay phát biểu khi đàm thoại trong các hoạt động</i>

3.2.2. Độ tuổi mẫu giáo 3- 4 tuổi

* MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
1	Ăn	
	MT1: Trẻ được ăn đủ bữa ăn: 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn, ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần Chất bột (Glu xit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
	MT2: Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	- Uống đủ nước: khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
2	Ngủ	

	MT3: Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút.
3	Vệ sinh	
	MT4: Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân ở lớp.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách. - Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... - Rửa mặt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	MT5: Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
4	Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
	MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 13 -21,2 kg Chiều cao: 95,1 – 111,6 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 16 - 21kg Chiều cao: 94,4 – 112cm	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo WHO năm 2017. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ ít nhất 01 lần trên năm học.

*** MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC:**

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1	Phát triển vận động	
1.1	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT7: Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
1.2	Thể hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất vận động.	
	MT8: Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi, đi thẳng người.	- Rèn trẻ cách đi: Lưng thẳng, mắt nhìn về phía trước... - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót.

MT9: Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi, chạy.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường zích zắc. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc không lệch ra ngoài. - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.
MT10: Trẻ biết bò theo yêu cầu.	+ Bò theo hướng thẳng + Bò theo đường dích dắc + Bò chui qua cổng + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không lệch ra ngoài.
MT11: Trẻ biết thực hiện động tác trườn, trèo.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trườn theo đường dích dắc. - Trườn về phía trước. - Bước lên, xuống bục cao 30cm.
MT12: Trẻ biết tung, bắt bóng với cô.	- Tung bắt bóng với cô. Bắt được 3 lần liên không rơi bóng 9 khoảng cách 2,5m). - Lăn bóng bằng 2 tay.
MT13: Trẻ biết đập bóng xuống sàn.	- Đập bóng xuống sàn và bắt bóng. Bắt được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).
MT14: Trẻ biết chuyền bóng bằng 2 tay.	- Phát triển khả năng hợp tác và làm việc nhóm để giải quyết kỹ năng: + Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
MT15: Trẻ biết ném trúng đích bằng 1 tay.	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (xa 1,5m). - Ném trúng đích thẳng đứng.

	MT16: Trẻ biết ném xa theo khả năng.	- Ném xa bằng 1 tay.
	MT17: Trẻ biết bật, nhảy bằng 2 chân.	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước.
	MT18: Trẻ biết bật xa 20- 25cm.	- Bật xa 20- 25cm.
1.3	Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
	MT19: Trẻ tập các cử động của bàn tay, ngón tay.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau. - Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
	MT20: Nhận biết, gọi tên đúng các thiết bị, biết 1 số thao tác mở, tắt các thiết bị số (thao tác nhấp chuột) trên phần mềm trò chơi kirdtmat, nhận ra ký hiệu (biểu tượng) của phần mềm trò chơi kidsmart	- Nhận biết, gọi tên thiết bị số (máy tính, bàn phím, màn hình, chuột) - Làm quen với 1 số thao tác trên thiết bị số (thao tác nhấp chuột) - Thực hành thao tác mở trên biểu tượng trò chơi Kidmarts: Ngôi nhà toán học, ngôi nhà không gia, kiến ăn môi....
	MT21: Làm theo được yêu cầu của trò chơi, được bày tỏ ý kiến của mình qua luật chơi, cách chơi. Thực hiện các trò chơi (sắp xếp, kéo, thả ...) khi chọn hình, chọn đồ vật trên phần mềm kidsmart.	- Làm theo yêu cầu của trò chơi. - Có thể bày tỏ ý kiến của mình qua việc giáo viên phổ biến luật chơi và cách chơi - Chọn hình, chọn đồ vật đúng (TC: Bé xây ngôi nhà chuột...)
2	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1	Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	

	MT22: Trẻ nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc. - Tên gọi một số món ăn quen thuộc. - Gọi tên các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - <i>Biết một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương.</i>
	MT23: Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày. - Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất.
	MT24: Trẻ biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
2.2	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
	MT25: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn: rửa tay, lau mặt, tháo tất, xúc miệng, đánh răng, cởi quần áo... biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu của bản thân	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Đánh răng nhờ sự giúp đỡ của người lớn - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tự rửa tay bằng xà phòng có sự giúp đỡ của người lớn. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
	MT26: <i>Trẻ biết được bản thân trẻ có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và chữa bệnh.</i>	<i>Trẻ nhận ra những hành động thể hiện sự chăm sóc; có quyền được người lớn chăm sóc ăn, ngủ, chữa bệnh</i>
2.3	Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
	MT27: Trẻ biết một số thói quen bảo vệ và giữ gìn sức khỏe.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
	MT28: Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

	MT29: Trẻ nhận biết được trang phục theo thời tiết.	- Nhận biết trang phục theo thời tiết mùa hè, mùa đông. - Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh.
	MT30: Trẻ biết được một số biểu hiện khi ốm.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm: Nóng sốt, mệt mỏi, đau đầu. - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu.
2.4	Biết một số nguy cơ không an toàn và cách phòng tránh	
	MT31: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Phát triển khả năng tưởng tượng, hợp tác nhóm để giải quyết vấn đề nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn. - Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
	MT32: Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	MT33: Trẻ biết không được theo người lạ ra khỏi trường.	+ Không được theo người lạ ra khỏi trường. + Người lạ đến đón không theo. + Người lạ rủ đi chơi không được đi.
	MT34: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn. - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn, ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không chơi dưới lòng đường.
II	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1	Khám phá khoa học	
1.1	Biết các bộ phận cơ thể con người	
	MT35: Trẻ nhận biết tên gọi chức năng của giác quan và	- Tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận

	một số bộ phận khác của cơ thể. Nhận ra một số hành động xâm phạm vùng riêng tư	khác của cơ thể. - Gọi tên vùng riêng tư của bản thân và từ chối khi người lạ chạm vào vùng riêng tư.
1.2	Biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ vật.	
	MT36: Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Khám phá đồ dùng, đồ chơi truyền thống, đồ chơi phổ biến tại địa phương: Ví dụ: Gậy, đánh đu, viên sỏi...
	MT37: Trẻ nhận biết một số biển báo giao thông, luật giao thông, quy định giao thông đường bộ đơn giản.	- Nhận ra một số biển báo giao thông đường bộ như: cấm ô tô, cấm người đi bộ... , luật giao thông đường bộ đơn giản như: đi sát lề đường bên phải....và thực hiện một số hành động đơn giản.
	MT38: Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc tại địa phương.
1.3	Biết đặc điểm nổi bật, ích lợi của động vật và thực vật quen thuộc.	
	MT39: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi và mối liên hệ đơn giản của cây, hoa, quả quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Đặc điểm, cấu tạo, ích lợi và mối liên hệ đơn giản của cây, hoa, quả quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Gọi tên tên hoa, quả bằng tiếng Anh theo mẫu: Quả táo- Apple; Quả chuối- Banana; Quả cam- Orange; hoa- Flower
	MT40: Trẻ nhận biết sự cần thiết của việc chăm sóc, tưới cây.	- Bắt sâu, nhổ cỏ tưới nước cho cây, hoa. - Các công đoạn để trồng được cây. - Thực hành gieo hạt và quan sát sự thay đổi của chúng.

	MT41: Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số loại rau.	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số loại rau.
	MT42: Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số con vật: Chim, thú, lưỡng cư, bò sát, côn trùng
	MT43: Trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng ta - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
1.4	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.	
	MT44: Trẻ nhận biết về thời tiết.	- Hiện tượng: Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
	MT45: Trẻ biết nhận biết tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu, đông.
	MT46: Trẻ nhận biết phân biệt ngày và đêm.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời.
	MT47: Trẻ hiểu biết về nước.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
	M48: Trẻ có hiểu biết về không khí và ánh sáng.	- Con người cần có ô xy để thở. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
	MT49: Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi.	- Trải nghiệm để tìm ra một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
2	Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
2.1	Nhận biết số đếm, số lượng.	

	MT50: Trẻ đếm số từ 1- 5 bằng tiếng Anh	- Đếm số từ 1 đến 5 bằng tiếng Anh qua video youtube dạy đếm bằng tiếng Anh. - Tô nét chữ số từ 1 đến 10, đọc số bằng tiếng anh (trò chơi Leter school) - Đếm số lượng và chọn số tương ứng (Trò chơi: Kids learning Box)
	MT51: Trẻ đếm được trong phạm vi 5, biết cách đếm số theo thứ tự. <i>Nhận ra các con số, đếm theo khả năng trên thực tế và trong phần mềm kidsmart</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 - <i>Trò chơi máy số.</i>
	MT52: Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT53: Trẻ nhận biết được một và nhiều	- Nhận biết một và nhiều.
	MT54: Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.
	MT55: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.
2.2	Sắp xếp theo quy tắc	
	MT56: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. - <i>Chọn đồ vật còn thiếu để tạo thành một quy tắc sắp xếp.(trò chơi Basic Skill Lite-bục tương tác thông minh)</i>
	MT57: Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	- Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi

	MT58: Trẻ biết xếp xen kẽ.	- Xếp xen kẽ.
2.3	So sánh hai đối tượng	
	MT59: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: - - To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau. - <i>Trò chơi kidmart: To – Nhỏ - Vừa: Nhận biết chọn cỡ. Thử ba cỡ giấy khác nhau cho 3 nhân vật.</i>
2.4	Nhận biết về hình dạng	
	MT60: Trẻ gọi tên và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- Nhận biết tên gọi và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
	MT61: <i>Trẻ nhận ra, biết, và gọi đúng tên 1 số hình, biết sử dụng chuột để nhấp ghép các hình hình học để nhấp ghép qua một số trò chơi trong phần mềm kidsmart</i>	<i>Trò chơi kidmart “Ngôi nhà chuột”: Nhận biết, gọi đúng tên một số hình, sắp xếp các hình theo mẫu tạo ra bức tranh...</i> <i>- Nhận ra các hình và sắp xếp các hình thành các kiểu nhà</i>
2.5	Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
	MT62: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. <i>Thực hành qua các trò chơi trên phần mềm Kidsmart.</i>	- Nhận biết phía trên - dưới, trước - sau, tay phải – tay trái của bản thân + Đồng hồ lịch: <i>Học về đơn vị thời gian khi bạn đi chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây.</i>
3	Khám phá xã hội	
3.1	Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	

	MT63: Trẻ biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Biết thể hiện bằng lời nói về mong muốn kể về bản thân	- Biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Thể hiện sự hứng thú khi kể về bản thân
	MT64: Trẻ biết được tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Kính trọng lễ phép với bố mẹ, ông bà. - Gần gũi, thân thiện với anh, chị, em trong nhà. - Biết được mối quan hệ trong gia đình: Ông bà; bố mẹ, anh chị, em trong gia đình.
	MT65: Trẻ biết được tên lớp, tên của cô giáo.	- Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	MT66: Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, trẻ biết tham gia các hoạt động ở lớp ở trường cùng cô và các bạn.
3. 2	Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
	MT67: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi, xem tranh.	- Tên, sản phẩm, ích lợi của của một số nghề phổ biến (thợ mỏ, xây dựng, công an, bác sĩ, giáo viên).
	MT68: Trẻ biết sản phẩm và ích lợi của nghề gốm sứ Đông Triều – nghề truyền thống.	- Tên, sản phẩm, ích lợi của của nghề gốm sứ Đông Triều.
	MT69: Trẻ biết làm ra một số sản phẩm đơn giản của một số nghề từ các nguyên liệu khác nhau.	- Khám phá nguyên liệu và cách làm ra một số sản phẩm của một số nghề làm đèn lồng trung thu, làm mặt nạ bằng các nguyên liệu khác nhau, làm ngôi nhà....
3. 3	Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
	MT70: Trẻ biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...	- Biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.

	MT71: Trẻ nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-2 từ hoặc một số mẫu câu tiếng Anh đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên. MT72: Trẻ biết một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Trả lời bằng cử chỉ, hành động một số câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến rất đơn giản, quen thuộc. - Biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. - Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm: Hội đền Nhà bà, chùa Linh sơn, nghề Quế Lạt... , Vịnh Hạ Long, Ngày khai giảng, tết Trung thu, tết Nguyên đán.
III	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1	Nghe hiểu lời nói	
	MT73: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản. MT74: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Hiểu được từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
2	Biết sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
	MT75: Giúp trẻ nhận biết chữ cái, nhận biết các con vật thông qua tô các nét gợi ý tạo thành con vật - Giúp trẻ nhận biết các chữ cái in hoa và in thường (Sử dụng bức tương tác thông minh)	- Tô các nét chữ cái (Trò chơi: ABC DRAW) - Tô màu chữ cái xuất hiện trên màn hình (Trò chơi ABC Kids) - Đọc chữ cái Tiếng Việt theo đường đi của con rùa (Kids learn to read lite) - Nhận biết và vẽ các con vật với các nét gợi ý (Trò chơi: ABC DRAW)
	MT76: Trẻ biết phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Nói rõ các tiếng.

		- <i>Biết phát âm tên một số con vật bằng tiếng Anh: Chó-Dog; Mèo-Cat; Gà-Chicken; lợn-Pig; con khỉ- Monkey; con voi- Elephant; con cá-Fish; con ong-Bee</i>
MT77: Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.		- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng câu đơn, câu ghép.
MT78: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu và hiểu biết của bản thân.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
MT79: Trẻ biết sử dụng: một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.		- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Vâng, dạ, thưa...
MT80: Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT81: Trẻ biết đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè và kể lại truyện được nghe có sự giúp đỡ.		- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện được nghe có sự giúp đỡ.
MT82: Trẻ kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.		- Kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
MT83: Trẻ biết mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.		- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc theo gợi mở của cô giáo.
MT84: Trẻ biết đóng vai các nhân vật trong truyện quen thuộc theo sự dẫn dắt của cô.		- Đóng vai theo lời dẫn truyện của cô giáo. - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.
MT85: Trẻ biết sử dụng các từ “vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp bằng tiếng Việt và tiếng Anh đơn giản		- Biết sử dụng các từ “vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp. - Nói đủ nghe, không nói lí nhí. - <i>Biết sử dụng 1 số từ tiếng Anh đơn giản như Hello, GoodBye, Thank you...</i>

3	Làm quen với việc đọc viết	
	MT86: Trẻ có thể biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...).
	MT87: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
	MT88: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Giữ gìn, bảo vệ sách.
	MT89: Trẻ nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật.	- Nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật trong tranh.
	MT90: Trẻ thích vẽ ‘Viết’ nguệch ngoạc.	- Thích vẽ ‘Viết’ nguệch ngoạc.
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1	Thể hiện ý thức về bản thân	
	MT91: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Địa chỉ gia đình.
2	Thể hiện sự tự tin, tự lực	
	M92: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
3	Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm	
	MT93: Trẻ nhận biết một số trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.

	MT94: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động.	- Biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động.
	MT95: Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.
	MT96: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác.. - Suy tầm tranh ảnh về Bác.
	MT97: Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - <i>Biết một số danh lam thắng cảnh có tại địa phương (Am Ngọa Vân, Chùa Hồ Thiên, Khe Song - thác Bạc, Chùa Quỳnh Lâm, Đền Sinh...)</i>
4	Có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp	
	MT98: Trẻ biết một số qui định ở lớp và gia đình.	- Để đồ dùng vào tủ tư trang - Để đồ chơi đúng nơi qui định - Để dép, ca uống nước lên giá...
	MT99: Trẻ biết một số nội quy ở nơi công cộng (công viên, siêu thị, bệnh viện, ...).	- Một số quy định ở công viên, siêu thị, bệnh viện, ... (trẻ em phải đi cùng bố mẹ, xếp hàng chờ đến lượt, bỏ rác đúng nơi quy định, không chạy nhảy, hò hét, nghe lời nhân viên hướng dẫn...).
	MT100: Trẻ biết dùng cử chỉ đẹp, lời nói lễ phép.	- Đến lớp chào cô, chào, bố, mẹ - Biết xin khi được nhận quà - Cảm ơn khi được giúp đỡ
	MT101: Trẻ biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.

5	Biết quan tâm đến môi trường	
	MT102: Trẻ biết tiết kiệm điện, nước.	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay. - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi.
	MT103: Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	- Khám phá môi trường xung quanh, biết yêu và bảo vệ thiên nhiên với các nội dung: + Không đánh các con vật nuôi trong gia đình. + Yêu và bảo vệ con vật. + Không ngắt hoa, bẻ cành các loại cây cảnh trong vườn. + Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và tham gia chăm sóc cây. + Biết bỏ rác đúng nơi quy định.
V	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
1	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT104: Trẻ biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi.	- Biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2	Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình	
	MT105: Thích hát, nghe hát, nghe nhạc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca. - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện. - <i>Nghe các bản nhạc nước ngoài</i>

	MT106: Trẻ biết hát kết hợp với vận động đơn giản.	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát.(Nhún nhảy, dậm chân, vỗ tay...).
	MT107: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
	MT108: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
	MT109: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang để tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	MT110: Trẻ biết sử dụng dấu vân tay, vân chân, bàn tay, bàn chân của mình, biết sử dụng 1 số đồ dùng, đồ chơi để tạo hình.	- Sử dụng một số kỹ năng in, ấn để tạo ra sản phẩm đơn giản.
	MT111: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý.	- Biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - <i>Sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm có ứng dụng trong đời sống.</i>
3	Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
	MT112: Trẻ vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
	MT113: Trẻ biết tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm - Tạo ra sản phẩm theo sự sáng tạo của trẻ .
	MT114: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

	MT115: Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	- Vẽ các nét thẳng, nét xiên, ngang bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn - Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt, xếp chồng... - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - <i>Vẽ, nặn, cắt dán bằng cảm nhận đa giác quan.</i>
--	---	--

3.3.3. Độ tuổi 4- 5 tuổi

* MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
----	----------	-------------------

1	Ăn	
	MT1: Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	- Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu cần khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651 Kcal. - Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần. - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định: + Yêu cầu tối thiểu: Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P: 13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%; - Ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Uống nước đủ: từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
2	Ngủ	
	MT2: Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút.
3	Vệ sinh	

	MT3: Trẻ biết giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.	- Trẻ được vệ sinh cá nhân trước khi ăn, sau khi ăn và sau khi đi vệ sinh: + Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ gìn nhà vệ sinh sạch sẽ + Hướng dẫn trẻ rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. + Trẻ uống nước, súc miệng sau khi ăn. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	MT4: Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
4	Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
	MT5: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé trai: Cân nặng: 14,1 kg - 24,2 kg + Chiều cao: 100,7cm - 119,2cm - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé gái: Cân nặng: 13,7 kg - 24,9 kg. + Chiều cao: 99,9 - 118,9cm.	- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/ năm); - Cân đo theo định kỳ: Cân – đo 3 tháng/ lần; - Đối với trẻ suy dinh dưỡng cân đo 1 tháng/lần; - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác; - Theo dõi và đánh giá sức khỏe hàng ngày. - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
	MT6: Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn.	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như: Tai nạn do sắc nước; Do chấn thương; Do ngạt trong khi ngủ; Do dị ứng thức ăn, do điện giật... - <i>Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác.</i> - <i>Thực hiện tốt các thói quen an toàn cá nhân, chơi an toàn, chơi các trò chơi lành mạnh</i>

*** MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC**

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1	Phát triển vận động	
1.1	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT7: Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra kết hợp sử dụng dụng cụ (dải lụa, sợi len), bắt chước tiếng kêu con vật, động cơ PTGT..... * Các động tác phát triển nhóm cơ: - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Bụng, lưng, lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.

1.2	Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
	MT8: Trẻ biết tập luyện các kỹ năng cơ bản giữ thăng bằng khi đi.	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn
	MT9: Trẻ có thể chạy nhanh chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).
	MT10: Trẻ có thể kiểm soát được các vận động bò.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4 m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m.
	MT11: Trẻ biết khéo léo trườn theo hướng thẳng.	- Trườn theo hướng thẳng.
	MT12: Trẻ biết thực hiện vận động trèo lên xuống ghế.	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. - Trèo lên xuống 5 giống thang.
	MT13: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, bắt bóng.	- Phát triển khả năng hợp tác và làm việc nhóm để giải quyết các kỹ năng: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Chuyển bóng qua đầu, qua chân. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném trúng đích ngang (xa 2m) + Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).

	MT14: Trẻ có thể dùng sức mạnh để thực hiện các vận động bật- nhảy.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35 cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm. - Nhảy lò cò 3m.
1.3	Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
	MT15: Thực hiện được các vận động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắp, nới. - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở các ngón tay.
2	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1	Nhận biết một số món ăn thực phẩm thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
	MT16: Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết giá trị dinh dưỡng của một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng.) - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết một số loại thức ăn không có lợi cho sức khỏe và sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - <i>Nhận biết một số đồ ăn nhẹ, ăn vặt lành mạnh</i>
	MT17: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Trẻ nói được cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. Rau luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo. - <i>Trẻ được ăn uống theo nhu cầu</i>

	MT18: Trẻ biết ăn đồ ăn cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày (ăn sáng, ăn tối (ở nhà) ăn trưa, ăn chiều (tại trường) và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, Suy dinh dưỡng, béo phì..)
2.2	Tập một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
	MT19: Trẻ có thể tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
	MT20: Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm thìa bát xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đổ thức ăn
2.3	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
	MT21: Trẻ có một số hành vi, thói quen trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Trẻ được tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần

	MT22: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....	Nhận biết một số biểu hiện của bản thân bị đau, bị sốt, chảy máu và biết chia sẻ những biểu hiện với người lớn.
2.4	Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	
	MT23: Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	Nhận ra bàn là bếp đang đun, phích nước nóng .., là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được lại gần - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	MT24: Biết một số hành động nguy hiểm trong ăn, uống, không cười đùa khi ăn, uống các loại quả có hạt.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; - Không ăn lá, quả lạ... - Không uống rượu, bia, cà phê; - Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - <i>Không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người</i>
	MT25: Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu, không ăn thức ăn lạ, không uống bia rượu, không hút thuốc lá, không tự ý uống thuốc.	- Nhận ra thức ăn có mùi lạ, không ăn những thức ăn ôi thiu, không hút thuốc lá, không uống rượu bia, không tự ý uống thuốc, không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	MT26: Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn:	- Nhận biết một số trường hợp không an toàn và nhờ người giúp đỡ. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	MT27: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.

		+ Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
II	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1	Khám phá khoa học	
1.1	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật một số hiện tượng tự nhiên	
	MT28: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nhận biết được hành động của việc bảo vệ môi trường nước: Không vứt rác xuống suối, khe, đầu nguồn; Không phun thuốc sâu thuốc cỏ trên rừng. - <i>Sự biến đổi kì diệu của nước</i>
	MT29: Trẻ biết đặc điểm của không khí, ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	MT30: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - <i>Biết sáng tạo một số đồ chơi, trò chơi từ cát đá, sỏi</i>
	MT31: Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	+ Làm thí nghiệm đơn giản và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. + Làm thử nghiệm pha màu vào nước, cho đường, muối vào nước. + Quan sát, dự đoán, so sánh điều gì sẽ xảy ra khi làm các thử nghiệm đó. + Khám phá khoa học về chất lỏng hòa tan và không tan trong nước.

	MT32: Trẻ nhận biết một số đặc điểm của thực vật	- Đặc điểm bên ngoài của cây hoa quả, ích lợi và tác dụng đối với con người - Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; - Quan sát, so sánh, phân loại một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các loại cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ cây
	MT33: Trẻ biết một số đặc điểm của động vật. So sánh sự khác nhau và giống nhau. Phân loại theo 1-2 dấu hiệu; <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại con vật theo đặc điểm chung.</i>	- Đặc điểm bên ngoài của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của con vật - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. - <i>Phân loại các bức tranh về con vật có đặc điểm chung</i>
	MT34: Trẻ biết khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart	- Cho trẻ Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra: + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. + So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa.

		+ <i>Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</i> + <i>Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp.</i> + <i>Khám phá ao thiên nhiên bốn mùa trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>
MT35: Trẻ biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm. <i>Sử dụng thiết bị thông minh nhận biết về thời tiết và các mùa trong năm</i>		- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời. - Trò chơi: + <i>Anh em nhà đồng hồ: Gặp gỡ đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Dan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ</i> + <i>Hộp cát biểu tượng: Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát rồi quan sát các quả đồi, đường đi, các hồ và thành phố mọc lên trước mắt bạn</i> + <i>Đồng hồ lịch: Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây</i>
MT36: Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. <i>Biết ứng dụng phần mềm Kidsmart phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy.</i>		- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi truyền thống, phổ biến có tại địa phương - Phân loại, so sánh một số đồ dùng đồ chơi phổ biến với đồ dùng đồ chơi truyền thống của địa phương - <i>Sử dụng một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>
1.2: Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT37: Trẻ nhận ra một số mối liên hệ đơn giản		+ Nhận xét một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo

	giữ sự vật, hiện tượng quen thuộc tại địa phương.	với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc tại địa phương - Phân biệt các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc của một số dân tộc có tại địa phương (VD rỏ- Lả, chén – chò, bát- pát, nồi- mỗ, áo quần - xử vá.....) - Một số đặc điểm của đường giao thông tại địa phương (đường leo dốc, đường mòn, đường ngoằn ngoèo....)
	MT38: Trẻ nhận ra một số đặc điểm giống và khác nhau ; <i>Phân loại đồ dùng đồ chơi của địa phương</i>	- So sánh sự khác nhau và giống nhau; - <i>Phân loại 2- 3 đồ dùng, đồ chơi về tên gọi, đặc điểm cấu tạo, hình dáng, chất liệu của địa phương.</i>
1.3: Thể hiện hiểu biết về các đối tượng bằng các cách khác nhau		
	MT39: Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại, so sánh với vùng miền khác theo 1-2 dấu hiệu (Xe bò, xe ba gác, xe thồ....
	MT40: Trẻ quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
	MT41: Trẻ biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm happykid nhận biết các màu cơ bản, các bộ phận cơ thể và mô tả về các bộ phận cơ thể con người.</i>	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - <i>Đặc điểm khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái.</i> - <i>Ứng xử công bằng.</i> - <i>Khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm</i> - <i>Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép</i> - <i>Không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác.</i> - <i>Các màu cơ bản, hình dạng, kích thước, các bộ phận cơ thể,</i>

		<i>mô tả về bộ phận con người (phần mềm Happykid)</i>
	MT42: Trẻ có hiểu biết về không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống.	- Con người cần có ô xy để thở - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trẻ biết phê phán hành vi làm ô nhiễm nguồn không khí: vứt xác động vật ra ao, hồ, sông, suối.
	MT43: Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Biết sáng tạo một số đồ chơi, trò chơi từ cát đá, sỏi
	MT44: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét đồ vật như kết hợp nhìn, sờ, ngửi,...để tìm hiểu đặc điểm của đồ vật. <i>Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản</i>	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - <i>Cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.</i>
	MT 45: Trẻ nhận biết về bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	- Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) Khi được hỏi trò chuyện - Nói tên địa chỉ của trường khi được hỏi và trò chuyện - <i>Khám phá đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai, bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái</i>
2	Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
2.1	Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	
	MT46: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - <i>Nghe, xem số và đếm số lượng tương ứng trên phần mềm</i>

Kidsmart nhận biết số, nghe, xem số và chọn số tương ứng.	Kidsmart - Đếm, đọc số trên phần mềm Kidsmart - Đếm, thử các thiết bị theo thứ tự khác nhau để tạo ra các kết quả khác nhau trên phần mềm Kidsmart.
MT47: Trẻ có thể đếm số lượng đồ vật, đồ chơi có tại địa phương theo khả năng	- Đếm số lượng quả thông, lá cây viên sỏi, que kem, đá cuội.... theo khả năng của trẻ.
MT48: Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. Biết sử dụng bảng tương tác thông minh để nhận biết các chữ số từ 1 đến 5	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 – 5 và tô theo yêu cầu của giáo viên (TC: 123 Number).
MT49: Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	- Đếm các nhóm đối tượng. - So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - <i>Đếm số lượng các nhóm cây, con vật,...trong các trò chơi phần mềm Kidmarts Bảng tương tác thông minh</i>
MT50: Trẻ có thể tập hợp các nhóm đối tượng	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn - <i>Thêm bớt trong phạm vi 5 (TC: Math for kids).</i> - <i>Trẻ nhận biết các chữ số từ 1- 5 (Trò chơi: Leter school; Numbes and Math).</i>
MT51: Trẻ biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. Biết sử dụng máy tính với phần mềm kismart nhận biết các con số.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, 113,114,115) - Nhận diện các con số. Nhìn và nghe một dãy những con vật ngộ nghĩnh trên phần mềm Kismart (con số của tôi, con bọ, máy số); trò chơi bức tương tác thông minh (123 Numbes, kids learning Box, math for kids)

		- <i>Biết đọc các con số đơn lẻ đó bằng tiếng Anh trên bức giảng thông minh thông qua trò chơi: Kids learning Box. Leter school.</i>
2.2	Xếp tương ứng, so sánh, sắp xếp theo quy tắc	
	MT52: Trẻ biết xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. * To- Nhỏ- Vừa: So sánh và chọn cỡ: - <i>Trò chơi: Bé vừa- bé bự trong phần mềm Kidsmart.</i>
	MT53: Trẻ biết so sánh và sắp xếp theo quy tắc	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - <i>Chọn đồ vật còn thiếu để tạo thành một quy tắc sắp xếp.</i> <i>Trên bức giảng thông minh thông qua Trò chơi: Basic Skills Lite</i>
2.3	So sánh hai đối tượng	
	MT54: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2-3 đối tượng. - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước. - Nhận biết mục đích của phép đo. - <i>Đo độ dài một vật bằng một dụng cụ đo gần gũi, quen thuộc với trẻ ở địa phương</i> - <i>Đo dung tích bằng một đơn vị đo (Gáo dừa, ống tre, ống lú.....)</i>
2.4	Hình dạng	
	MT55: Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích. - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản và theo yêu cầu.

	MT56: Nhận biết sự giống và khác nhau của các hình học. <i>Phân biệt được 1 số hình , biết ghép các hình để tạo thành hình mới</i>	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - <i>Chắp ghép các nguyên liệu : que củi, dây rùng, dây đay thành các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</i> - <i>Chọn hình, thiết lập hình, nhận biết/ xác định mẫu hình mẫu, thông qua trò chơi ngôi nhà chuột, Bình và boing trong ngôi nhà toán học của Millie.</i> - <i>Chắp ghép hình hình học thành các phương tiện giao thông</i>
2.5	Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.	
	MT57: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kidsmart xác định các phương hướng trong không gian</i>	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - <i>Xác định các phương hướng chính: trái, phải, trước, phía nam, bắc, đông, tây (TC: Truy tìm hạt mít đậu).</i> - <i>Khám phá mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới (TC: Thám hiểm trái đất).</i>
	MT58: Trẻ có thể định hướng về thời gian phù hợp với khả năng, nhu cầu độ tuổi của trẻ. <i>Trẻ tự do tìm tòi, khám phá trên phần mềm kidsmart.</i>	- <i>Làm quen về đơn vị thời gian.</i> - Các buổi: sáng trưa, chiều, tối gắn với các hoạt động trong ngày. - <i>Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ (TC: Anh em nhà đồng hồ).</i> - <i>Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát (Hộp cát biểu tượng).</i>

		- <i>Học về đơn vị thời gian khi di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây (TC: Đồng hồ lịch).</i>
3	Khám phá xã hội	
3.1	Bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
	MT59: Trẻ nhận biết về bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	- Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) Khi được hỏi trò chuyện - Nói tên địa chỉ của trường khi được hỏi và trò chuyện - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi trò chuyện - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi và trò chuyện. - <i>Khám phá đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai, bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái.</i> - <i>Trẻ biết quyền được bảo vệ trong gia đình</i>
	MT60: Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - <i>Trẻ nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai, bạn gái</i>
	MT61: Trẻ có thể nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. <i>Biết</i>	- Họ tên và một vài đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp. - Các hoạt động của trẻ và các bạn.

	<i>được các quyền, nghĩa vụ/ bổn phận của bản thân với người khác.</i>	<i>- Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân, với người khác)</i>
	MT62: Trẻ biết thể hiện sự kính yêu Bác Hồ.	<i>- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác</i>
3.2	Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
	MT63: Trẻ nhận biết được một số nghề trong xã hội	<i>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm truyền thống, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương Hoàng Quế.</i> <i>- Nhận ra sự khác biệt nổi bật về đặc điểm của các sản phẩm truyền thống địa phương.</i> <i>- Tạo ra một số sản phẩm đơn giản từ một số nghề</i> <i>- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, cách khai thác và chế biến một số món ăn đặc sản của phường Hoàng Quế.</i>
3.3	Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội của địa phương	
	MT64: Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	<i>- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước: Khai giảng, Tết trung thu, ngày Nhà giáo VN 20/11, ngày sinh nhật Bác, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Vùng mở bắt khuất 12/11...</i>
	MT65: Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.	<i>- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội</i> <i>- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương</i> <i>- Biết được các ngày tết theo phong tục của địa phương: Tết đoan ngọ 5/5; Rằm tháng 7.</i> <i>- Dãy núi Vòng cung Đông Triều.</i> <i>- Chùa Hồ Thiên; Chùa Ngọa Vân; Đền An Sinh; Chùa Quỳnh Lâm</i>

III	PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1	Phát triển khả năng nghe hiểu lời nói	
2	MT66: Trẻ nghe, hiểu và thực hiện được nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức theo 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Thực hiện được câu đơn, câu mở rộng, câu phức theo 2-3 yêu cầu liên tiếp - Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ.... - Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại - <i>Tích cực hợp tác và phản hồi khi nghe</i>
	MT67: Trẻ có thể hiểu ý nghĩa các từ khái quát : rau, quả, con vật, đồ gỗ.	- Biết sử dụng các câu khái quát để trả lời câu hỏi
	MT68: Trẻ nghe và nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản bằng tiếng anh quen thuộc với lứa tuổi.	- Nghe và nhận biết khoảng 70 từ, cụm từ chỉ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản - Số từ 1 đến 10.
	MT69: Nghe hiểu nội dung một số câu chuyện nước ngoài	- Nghe hiểu nội dung một số câu chuyện trong nước và nước ngoài.
	MT70: Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi	- Trẻ biết sử dụng các câu trong tiếng Việt trả lời và đặt câu hỏi ai ? là ai ? cái gì ? ở đâu ? khi nào ? để làm gì ? - <i>Trẻ đặt câu hỏi về một số biển giao thông tại cổng trường, nơi công cộng...</i> - <i>Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp</i>
	Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
	MT71: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện đọc phù hợp với độ tuổi	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện phù hợp với độ tuổi. - <i>Nghe hiểu nội dung truyện kể của địa phương, của nước ngoài.</i>

MT72: Trẻ có thể nói rõ ràng	+ Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. + Phát âm rõ ràng + Diễn đạt được ý tưởng, trả lời được theo ý của câu hỏi + Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình + Nói với âm lượng vừa đủ để người nghe có thể hiểu được
MT73: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - <i>Trẻ bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ</i>
MT74: Trẻ có thể nói và thể hiện cử chỉ khi giao tiếp.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT75: Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.	+ Trẻ cảm nhận vần điệu, nhịp điệu khác nhau của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi (vui tươi, nhí nhảnh, nhanh, chậm,...) - <i>Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố của địa phương</i>
MT76: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. - Biết kể truyện sáng tạo dựa trên câu truyện vừa được học và nghe. - Kể truyện tranh nước ngoài bằng ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ. - <i>Chọn nhân vật và các tình tiết cho câu chuyện, trẻ sẽ được nghe câu chuyện của mình và in ra thành tác phẩm thông qua trò chơi Tập kể chuyện trên phần mềm HAPPY KID.</i>
MT77: Trẻ biết kể chuyện sáng tạo, có thể đặt tên	- Kể chuyện theo tranh, về đồ vật yêu thích,...

	nhân vật trong câu chuyện.	- Kể tiếp và kết thúc truyện. - Kể theo đồ chơi... - Kể chuyện theo kinh nghiệm, đặt tên nhân vật - Biết kể chuyện sáng tạo dựa trên câu chuyện vừa được học và nghe. - Kể chuyện tranh nước ngoài bằng ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ.
	MT78: Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.	- Trẻ kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định. + Kể lại truyện đã được nghe đầy đủ tình tiết, sự việc theo trình tự logic nhất định. + Kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.
	MT79: Trẻ thích đóng vai các nhân vật trong truyện	- Đóng kịch. Đóng được vai của các nhân vật trong truyện và trẻ thích nhập vai nhân vật.
3	Làm quen với đọc và viết	
	MT80: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách.
	MT81: Trẻ có thể đọc truyện qua tranh vẽ.	- Đọc truyện qua tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.

	MT82: Trẻ sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm..... - Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định - Kể lại sự việc theo trình tự - Đọc thuộc bài thơ ca dao, đồng dao.... - Kể chuyện có mở đầu, kết thúc - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện - Sử dụng các từ như: “ Mời cô”, “ mời bạn”; “ Cảm ơn”, “xin lỗi”.... trong giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở - <i>Nghe, đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, truyện kể của địa phương và nước ngoài</i> - <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i>
	MT83: Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happykid nhận dạng, đọc 29 chữ cái tiếng Việt.</i>	- Nhận dạng và phát âm một số chữ cái đơn giản: Trẻ làm quen với ½ số chữ cái trong bảng chữ cái (10 -15 chữ cái đầu). - <i>Nhận dạng và phát âm đúng (10 -15 chữ cái đầu) chữ cái tiếng Việt bằng cách nghe phát âm và thông qua những hình ảnh minh họa. Tô màu các chữ cái (TC: Làm quen chữ cái).</i> - <i>Biết cách phân biệt các chữ cái theo nhóm (TC: Nhóm chữ cái).</i> - <i>Phát âm chữ cái tiếng Việt sang tiếng Anh, nhận ra một số chữ cái trong từ tiếng Anh</i> - <i>Phát âm bằng chữ cái bằng tiếng anh thông qua trò chơi trên bục tương tác qua phần Kids learn ABC. ABC Spelling.</i>

	MT84: Trẻ dùng được các từ như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “dạ” “vâng” phù hợp với tình huống. Biết sử dụng một số từ đơn giản bằng tiếng anh như Hello, Goodbye, Thank you, Sorry...trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello, Goodbye, Thank you, Sorry.... để giao tiếp với cô giáo và các bạn trong các tình huống hợp lý
	MT85: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. Biết tập tô và đồ các nét chữ. Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happykid và bảng tương tác thông minh nhận biết chữ cái in hoa, in thường, tô các chữ cái tiếng Việt	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. Làm quen với hướng viết các nét chữ. - Làm quen với cách viết tiếng việt (hướng viết của các nét chữ: Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới) - Tô các nét chữ của chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng (TC: Tập tô chữ; ABC Draw). - Trẻ tìm chữ cái in hoa, in thường và đọc. Tìm chữ cái theo yêu cầu. Tô màu chữ cái xuất hiện trên màn hình (Trò chơi: ABC Kids; Kids learn to read lite).
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI	
	MT86: Trẻ có thể nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ điệu bộ)	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ điệu bộ).
	MT87: Trẻ có thói quen cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi. - Chào hỏi lễ phép với người lớn.
	MT88: Trẻ biết nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét	- Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc

mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Thể hiện sự đồng cảm hòa hợp và tôn trọng người khác trong mọi tình huống giao tiếp - Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.
MT89: Trẻ biết đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác	- Biết lắng nghe, tôn trọng, chấp nhận chờ đến lượt khi trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác.
MT90: Trẻ biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	- Kính trọng lễ phép với ông bà, bố mẹ, anh chị trong gia đình. - Gần gũi, thân thiện với cô, dì, chú, bác, anh, chị, em trong nhà. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT91: Trẻ biết quan tâm, giúp đỡ bạn.	+ Yêu mến, quan tâm đến mọi người. + Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. + Không chê bai bạn bè. + Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân.
MT92: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	+ Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
MT93: Trẻ biết phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	+ Biết các hành vi "đúng - sai", "tốt - xấu" của con người đối với con người; của con người đối với môi trường và nhận xét được vì sao hành vi đó đúng? và vì sao hành vi đó sai? - Biết thể hiện thái độ khi gặp các hành vi "đúng - sai", "tốt - xấu".
MT94: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	+ Dùng lời để trao đổi, thỏa thuận, trình bày ý kiến của mình với các bạn thông qua các hoạt động hàng ngày.

MT95: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	+ Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. + Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
MT96: Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi	+ Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái.
MT97: Chơi thân thiện với bạn	- Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ.
MT98: Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày	+ Vệ sinh cá nhân, lau chùi dọn dẹp đồ chơi, chải chiếu, phơi khăn.... + Thực hiện được một số công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)
MT99: Không nói tục, chửi bậy.	- Chú ý những hành vi văn hóa trong giao tiếp không nói tục, chửi bậy.
MT100: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	- Biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.
MT101: Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường	- Ăn quà xong vứt vỏ vào thùng rác. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Không bẻ cành cây vứt ra sân trường.
MT102: Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay. - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi.

	MT103: Trẻ biết bộc lộ cảm xúc phù hợp trước cái đẹp.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật trong và ngoài nước, địa phương.
V	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
1	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT104: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật trong và ngoài nước, địa phương.
	MT105: Trẻ chú ý nghe, thích thú hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ và nghe các câu chuyện. <i>- Nghe và nhận ra các loại nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài</i>
	MT106: Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng ...) của các tác phẩm tạo hình	- Ngắm nhìn, chỉ, sờ các tác phẩm tạo hình và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục... <i>- Bộc lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật.</i>
2	Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
	MT107: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu các bài hát, bản nhạc trong nước, nước ngoài, nhạc dân tộc có tại địa phương. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát,

		bản nhạc, chơi với nhạc cụ, các nguyên vật liệu tạo ra âm thanh theo trí tượng tưởng của bản thân. - Sử dụng bộ gõ đệm cơ thể gõ đệm theo nhịp một số bản nhạc, bài hát gần gũi quen thuộc.
	MT108: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- <i>Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên có sẵn địa phương để tạo ra các sản phẩm.</i>
	MT109: Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
	MT110: Trẻ biết sử dụng các kỹ năng vẽ có nội dung và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - Sử dụng các hoạt động tạo hình để tạo ra bức tranh có sự sáng tạo (vẽ, nặn, cắt, xé dán...). - <i>Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán... tạo ra sản phẩm bằng tiếp cận đa giác quan.</i>
	MT111: Trẻ biết sử dụng các kỹ năng xé, cắt dán có nội dung và bố cục.	- Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
	MT112: Trẻ biết sử dụng các kỹ năng nặn tạo ra sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
	MT113: Biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
3	Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
	MT114: Trẻ có khả năng thể hiện sáng tạo trong hoạt động âm nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - <i>Lựa chọn nguyên liệu có ở địa phương như ống tre, ống lũa, đá, cuội, cây củi....làm dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp</i>

		<i>điều bài hát, nhạc có lời, không lời, nhạc nước ngoài.</i>
	MT115: Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc.	+ Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã. thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc.
	MT116: Trẻ có khả năng sáng tạo trong hoạt động tạo hình.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu có sẵn địa phương để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - <i>Sáng tạo sản phẩm tạo hình qua sử dụng đa giác quan.</i> - <i>Trẻ được tự do sáng tạo khi tham gia vào hoạt động thẩm mỹ, được xuất phát từ sở thích, và sáng kiến riêng của trẻ mà không bị ai cản trở hoặc can thiệp</i>
	MT117: Trẻ biết nói lên ý tưởng của mình.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình về tên sản phẩm, cách tạo ra sản phẩm như thế nào? cần sự giúp đỡ của những ai? làm trong bao lâu..... - <i>Ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật</i>
	MT118: Trẻ yêu thích hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.	- Thích các giờ hoạt động nghệ thuật, hăng hái tham gia sáng tạo nghệ thuật và thích được trình bày các ý tưởng nghệ thuật của mình. - <i>Trẻ được tham gia vào các trải nghiệm và giao tiếp thông qua các hình thức biểu đạt thẩm mỹ khác nhau.</i>

	MT119: Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - <i>Cảm nhận được giai điệu bài hát nước ngoài</i>
	MT120: Trẻ có khả năng phân biệt âm thanh thể hiện sáng tạo với các công cụ khác nhau trong hoạt động âm nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - <i>Lựa chọn nguyên liệu có ở địa phương như ống tre, ống lũa, đá, cuội, cây củi....làm dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát, nhạc có lời, không lời, nhạc trong nước ngoài nước.</i> - <i>Phân biệt âm thanh thể hiện sáng tạo với các công cụ khác nhau trong hoạt động âm nhạc thông qua trò chơi Oranga Banga và Toony Loon...trên phần mềm THINKIN THING.</i>
	MT121: Trẻ được trải nghiệm thực tế qua các dự án, thí nghiệm từ đó có thể thiết kế được một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề thông qua dự án, thí nghiệm
	MT122: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - <i>Tự do sáng tạo của trẻ khi tham gia vào hoạt động, thể hiện sở thích và sáng kiến của riêng trẻ.</i>
	MT123: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

3.3.4. Độ tuổi 5- 6 tuổi

* MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

TT	MỤC TIÊU	GIÁO DỤC NĂM HỌC
1	Tổ chức ăn	
	MT1: Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường.	- Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal.
	MT2: Trẻ được ăn đủ bữa ăn: 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn, ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

	MT3: Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh	- Uống đủ nước: khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
	MT4: Trẻ được ăn đúng thực đơn.	- Ăn đúng thực đơn hàng ngày, thực đơn theo tuần, theo mùa. - Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn theo mùa.
2	Tổ chức ngủ	
	MT5: Trẻ được ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
3	Vệ sinh	
	MT6: Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân ở lớp.	Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	MT7: Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh:	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
4	Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
	MT8: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A Trẻ gái: + Cân nặng: 13,8 – 25 kg + Chiều cao: 100 - 119 cm	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo WHO năm 2007. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học. - Theo dõi biểu đồ BMI cho trẻ từ 61 tháng trở lên.

	Trẻ trai: + Cân nặng: 14,2 – 24 kg + Chiều cao: 101 – 119 cm	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: Cúm A, B, bệnh thủy đậu...) - Tiêm chủng: Uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
	MT9: Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn.	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như: tai nạn do sắc nước; do chấn thương; do ngạt trong khi ngủ; do dị ứng thức ăn, do điện giật...

3.4.2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC

TT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I	GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1	Phát triển vận động	
1.1	Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT10: Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang

		phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang ; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau
1.2	Thực hiện được các động tác cơ bản và các yếu tố chất trong vận động	
1.2.1	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	
	MT11: Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3 m)	- Đi trên ván dốc. - Đi lên dây(Dây dặt trên mặt sàn) - Đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3 m) một đầu kê cao 0,3m - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.
	MT12: Trẻ biết đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS11)	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục(dài 2m x 0,3m x 0,35m) . Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục
	MT13: Trẻ có thể kiểm soát được vận động khi đi, chạy.	- Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m. - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.
	MT14: Trẻ có thể nhảy xuống ở độ cao 40cm (CS 2)	- Bật nhảy từ trên cao xuống 40-50cm
1.2.2	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động	

	MT15: Trẻ có khả năng ném và bắt bóng bằng hai tay xa 4 m (CS3)	- Ném trúng đích nằm ngang; Tung bóng lên cao vào bắt bóng; Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
	MT16: Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 – 5 lần liên tiếp.	- Đi và đập bắt bóng. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	MT17: Trẻ có thể trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất. (CS4)	- Trèo lên xuống 7 giống thang
1.2.3	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	
	MT18: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 12 giây(CS12)	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây
	MT19: Trẻ chạy liên tục 150m không giới hạn thời gian (CS13)	- Chạy liên tục 150m
	MT20: Trẻ có khả năng ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1.5m).	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
	MT21: Trẻ thể hiện được kỹ năng bò qua 5,7 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò đích dắc qua 7 điểm; Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m; Bò chui qua ống dài 1,5mx0,6m
	MT22: Trẻ thực hiện được kỹ năng đập và bắt bóng bằng 2 tay.(CS10)	- Phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Đập và bắt bóng bằng 2 tay; Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
	MT23: Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục về phía trước - Biết đổi chân (đổi chân không phải dừng lại, không cần sự giúp đỡ) khi nhảy 5 bước liên tục.

	MT24: Trẻ thể hiện các kỹ năng bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	- Bật nhảy bằng cả 2 chân; Bật liên tục vào 5- 7 vòng ; Bật xa 40- 50cm ; Bật tách khếp chân qua 7 ô ; Bật qua vật cản cao 15-20 cm ; Nhảy lò cò 5m.
	MT25: Trẻ tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
1.3	Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
1.3.1	Trẻ thực hiện được các vận động	
	MT26: Trẻ thực hiện được các cử động: - Trẻ khả năng uốn ngón tay, bàn tay: xoay cổ tay. - Trẻ khả năng gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ nắn
1.3.2	Trẻ có thể phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:	
	MT27: Trẻ biết vẽ hình và sao chép, các chữ cái, chữ số.	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Bẻ, nắn.
	MT28: Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(CS7)	- Cầm kéo bằng 3 ngón tay, Trẻ biết cắt theo đường viền của hình vẽ. - Cắt, xé đường vòng cung.
	MT29: Trẻ có thể tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	- Tô đồ theo nét và không chồm ra ngoài hình vẽ.
	MT30: Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.(CS8)	Bôi hồ mịn, dán các hình học, con vật, thực vật,... vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.

2	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1	Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.	
	MT31: Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Nhận biết các món ăn thông thường trẻ thường ăn. - <i>Nhận biết các món ăn đặc sản của địa phương</i> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa. - Cho trẻ thực hành các số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
	MT32: Trẻ phân biệt, lựa chọn được một số món ăn theo nhóm dinh dưỡng.	- Biết lựa chọn, phân biệt một số món ăn theo nhóm dinh dưỡng: Chất đạm, bột đường, vitamin, chất béo, khoáng chất.
	MT33: Trẻ biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho sức khỏe. (CS20)	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
2.2	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
2.2.1	Trẻ thực hiện một số việc đơn giản	
	MT34: Trẻ có thể sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Sử dụng thành thạo các đồ dùng ăn uống như: Biết cầm muống để sớt ăn, cầm đũa để gắp thức ăn.
2.3	Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
2.3.1	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	
	MT35: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:

	ăn uống:	+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	MT36: Trẻ biết được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.
2.3.2	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh:	
	MT37: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp	- Bỏ rác đúng nơi qui định, không khạc nhổ bừa bãi. - Lợi ích của vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
	MT38: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (CS 18)	- Trẻ thực hành các bài tập kỹ năng về cuộc sống: Biết tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, gấp quần áo, không bôi bẩn vào quần áo.
	MT39: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (CS17)	- Lấy tay che miệng khi ho ngáp, hắt hơi
	MT40: Trẻ biết trẻ có quyền được chăm sóc, và bảo vệ an toàn Nhận biết có 1 số thói quen bảo vệ an toàn và giữ gìn sức khỏe	- Nhận ra một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Có thói quen và đội mũ bảo hiểm đúng cách khi tham gia giao thông.</i>

		- <i>Tất cả mọi trẻ em đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i>
2.4	Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
	MT41: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (CS 21)	- Nhận biết những đồ vật nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.
	MT42: Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm; (CS22)	- Nhận ra và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm (như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo...) - <i>Không làm một số hành động mất an toàn khi ngồi trên các phương tiện giao thông.</i>
	MT43: Trẻ có 1 số thói quen bảo vệ và giữ gìn sức khỏe.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Có thói quen và đội mũ bảo hiểm đúng cách khi tham gia giao thông.
	MT44: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (CS23)	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn. - <i>Chơi ở nơi an toàn: Tránh nơi có nhiều người và xe cộ đi lại như: Lòng đường, Chợ...</i>
	MT45: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và biết phòng tránh + Cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt

		dễ bị hóc sặc... + Không tự ý uống thuốc. + Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu, bia cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
	MT46: Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm(CS25)	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và nhờ người giúp đỡ. - Kêu cứu, gọi người giúp đỡ và cố gắng thoát khỏi nơi nguy hiểm. - Biết một số trường hợp không an toàn và nhờ người giúp đỡ. - Không được ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết sự nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy định về giao thông.
	MT47: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép; (CS24)	- Trẻ thực hành kỹ năng học tác nhóm để nhận biết một số hành động của người lạ, không nhận quà khi chưa được người thân cho phép. Nếu bị lạc phải biết tìm những cô chú mặc quần áo đồng phục như bảo vệ, công an, cảnh sát..để thông báo trên loa, hoặc gọi điện cho bố mẹ, không đi theo người lạ.
	MT48: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.(CS26)	- Tác hại của thuốc lá và không đến gần người hút thuốc.
	MT49: <i>Trẻ nhận biết, phân biệt một số hành động đúng, sai khi sử dụng máy tính và bực tương tác, thiết bị CNTT trên phòng tin học</i>	- <i>Nhận biết, phân biệt một số hành động đúng, sai khi sử dụng máy tính và bực tương tác, thiết bị CNTT trên phòng tin học</i>
II	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1	Phám phá khoa học	

1.1	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm các sự vật hiện tượng	
	MT50: Trẻ thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh(CS113)	- Chức năng các giác quan và bộ phận khác của cơ thể - Các chất dinh dưỡng cần thiết có lợi cho sức khỏe. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	MT51: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một loại số cây, hoa, quả. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời.
	MT52: Trẻ có thể gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
	MT53: Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.(CS93)	Cho trẻ thử nghiệm gieo hạt; Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... + Quan sát, phỏng đoán, suy luận một số mối liên hệ đơn giản

	giữa đặc điểm cấu tạo với môi trường sống, vận động và cách kiếm ăn của các con vật; Quan sát sự lớn lên của một số con vật qua video, mạng internet, tranh ảnh.... + Quan sát, thảo luận, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT54: Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.(CS94)	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
MT55: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng. Biết ứng dụng phần mềm Kidsmart phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3 hoặc 4 đồ dùng - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên theo công dụng hoặc chất liệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Sử dụng thành thạo một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy.

	MT56: Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS 115)	- Nhận biết sự khác biệt của đối tượng trong nhóm so với những cái khác và giải thích được khi loại bỏ đối tượng đó.
	MT57: Dự đoán được một HTTN đơn giản sắp xảy ra.(CS95)	- Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra - Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Nhận biết phân biệt được sự khác nhau giữa thời tiết của vùng đồng bằng với vùng núi (vùng núi tối sớm hơn, lạnh hơn so với đồng bằng)
	MT58: <i>Trẻ nhận biết và phân biệt phương tiện giao thông, hành vi giao thông, quy định giao thông phù hợp với độ tuổi</i>	- <i>Nhận ra các phương tiện giao thông, hành vi giao thông, quy định giao thông qua hoạt động hàng ngày của trẻ.</i>
	MT59: <i>Trẻ biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi thông minh tạo thành hình người, con vật, cây cối, đồ vật có một số giác quan, bộ phận và chuyển động được.</i>	- <i>Tạo hình người, đồ vật, đồ chơi, con vật, cây cối từ bộ Robot Cubilet, và đồ chơi thông minh</i> - <i>Biết đặt tên cho sản phẩm.</i>
	MT60: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại theo 2-3 dấu hiệu	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại với vùng miền khác theo 2-3 dấu hiệu (Xe bò, xe ba gác, xe thồ.....)
1.2	Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết các vấn đề đơn giản	
	MT61: Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng .	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

	MT62: Trẻ có khả năng sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối môi trường sống.
1.3	Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
	MT63: Trẻ có thể nhận xét và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Nhận xét và thảo luận được đặc điểm sự giống nhau khác nhau của các đối tượng
	MT64: Trẻ thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc tạo hình	- Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
2	Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
2.1	Nhận biết số đếm, số lượng	
	MT65: Trẻ có thể nhận biết con số từ 1 đến 10 trên thực tế và <i>trong các chơi trò chơi trên phần mềm kidsmart và bức giảng thông minh.</i>	- Ôn số lượng trong phạm vi 5 - Số lượng trong phạm vi 10; Đếm đến 10, đếm theo khả năng, đếm đúng trên đồ vật, đếm theo nhóm khác nhau, đếm theo các hướng, đếm các đối tượng không xếp thành hàng, thành dãy... nhận biết chữ số trong phạm vi 10 trên đối tượng thực tế, <i>trên trò chơi phần mềm Kisdmart (con số của tôi, con bọ, máy số); trò chơi bức tương tác thông minh (123 Numbes, kids learning Box, math for kids)</i> - Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, 113,114,115.)
	MT66: Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận ra số chẵn, số lẻ trong dãy số tự nhiên từ 1 đến 9. - Sắp xếp đồ dùng, đồ chơi theo số chẵn, số lẻ trong một số hoạt động.

	MT67: Trẻ có thể so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất MT68: Trẻ biết Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm MT69: Nhận biết số 0, ý nghĩa của con số 0 trong dãy số tự nhiên từ 1 đến 9 và trong đời sống hằng ngày.	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất. - Gộp/Tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và đếm - Gộp/Tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau và đếm - Gộp/Tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 8 bằng các cách khác nhau và đếm - Gộp/Tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 9 bằng các cách khác nhau và đếm - Gộp/Tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm - Nhận ra chữ số 0, nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày như: Biển số xe, số nhà,..
2.2	Sắp xếp theo quy tắc	
	MT70: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (CS116) MT71: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. - <i>Làm quen, với việc sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim. Xem bộ phim theo chiều xuôi hoặc chiều ngược qua trò chơi Kidsmart: Tạo ra một bộ phim</i> - Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm
2.3	So sánh hai đối tượng	

	MT72: Trẻ biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (CS 106); Trẻ biết đo các vật trong thực tế	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả
2.4	Nhận biết hình dạng	
	MT73: Nhận biết, phân biệt các hình hình học và ghép ghép các hình hình học thành hình mới	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - <i>Nhận ra, phân biệt được một số hình hình học, biết ghép ghép các hình để tạo thành hình mới qua trò chơi Ngôi nhà chuột trong phần mềm kirdmart.</i> - <i>Sử dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương tạo ra các hình khác nhau từ các dạng hình học.</i>
	MT74: Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu. <i>Ứng dụng phần mềm Kidsmart để nhận biết phân biệt các khối</i>	- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu. - <i>Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo mẫu thiết kế tại ngôi nhà Chuột trong ngôi nhà toán học của Mille</i>
2.5	Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
	MT75: Trẻ xác định được vị trí (trong, ngoài, trước, sau, phải, trái) của một vật so với vật khác (CS108)	- Xác định phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải, phía trái của bản thân - Xác định phía phải, phía trái của bạn khác
	MT76: Trẻ gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự	- Gọi tên các thứ trong tuần

	(CS109)	
	MT77: Trẻ phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày (CS110)	- Trẻ hợp tác, làm việc nhóm, tìm tòi khám phá - Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
	MT78: Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (CS111)	- Tìm hiểu các ngày trong tuần; Xem lịch nhận biết các ngày trong tuần; Nhận biết giờ trên đồng hồ.
3	Khám phá xã hội	
3.1	Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
	MT79: Trẻ biết về bản thân, gia đình. <i>Trẻ nhận thức được quyền và bổn phận của trẻ với bản thân với người khác</i>	- Nói được họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu gia đình. Địa chỉ gia đình. - <i>Quyền và bổn phận của bản thân trong gia đình.</i>
	MT80: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem hình ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	MT81: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình(Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại(nếu có),...khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ nhà: số nhà, phường,..

	MT82: Trẻ nhận biết được những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện <i>Nhận thức được bản thân có quyền được đi học, được phát triển</i>	- Trẻ biết được những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô các bác trong trường. - Đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Biết con đường đến trường có những quy định giao thông gì (biển báo, quy định...) <i>- Quyền được đến trường, được học tập và phát triển toàn diện.</i>
	MT83: Trẻ có thể nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Công việc của các cô bác trong trường.
	MT84: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97)	- Trẻ trả lời được câu hỏi của người lớn về một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. VD: Trường Tiểu học, Trường Trung học.....
3.2	Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
	MT85: Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi.....của một số nghề phổ biến trong xã hội khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến trong xã hội.
	MT86: <i>Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, của một số nghề truyền thống của quê hương Đông Triều.</i>	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. <i>Kể được một số nghề truyền thống ở địa phương. (Sản phẩm nông sản đặc trưng quê hương Hoàng Quế: Cây ngô, cây vải)</i>
3.3	Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
	MT87: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh . (CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như ; thích búp bê, ô tô...)

		- Hay hỏi về những thay đổi xung quanh.
	MT88: Trẻ hiểu biết về tên gọi, một số thông tin về biển đảo Việt Nam.	- Trẻ biết một số thông tin cần thiết về biển đảo Việt Nam. - <i>Trẻ kể tên một số đảo lớn nhỏ của Việt Nam (Trường Sa, Hoàng Sa, Côn Đảo, Phú Quốc...)</i>
	MT89: Trẻ có thể kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước, của Bác Hồ.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Ngày lễ: Tết trung thu, 20/11, Tết Nguyên đán, 8/3,.. + Sự kiện: khám sức khỏe, tham quan Doanh trại bộ đội, tham quan trường tiểu học.. - Nhận biết Bác Hồ và một số địa điểm gắn bó với Bác Hồ. - <i>Biết cảnh đẹp và ngày lễ của Chùa Hồ Thiên; Chùa Ngọa Vân; Đền An Sinh; Chùa Quỳnh Lâm, khu du lịch sinh thái...</i>
III	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1	Nghe hiểu lời nói	
	MT90: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. <i>Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh – Việt tìm hiểu một số từ đơn giản chỉ đồ vật, hiện tượng gần gũi</i>	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình.. - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác. - <i>Hiểu một số từ tiếng Anh đơn giản gần gũi chỉ sự vật, hiện tượng, con vật...</i>
	MT91: Trẻ nghe hiểu nội dung, cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)	- Nghe hiểu nội dung, vần điệu, nhịp điệu khác nhau của truyện kể, truyện đọc, thơ, ca phù hợp với độ tuổi và kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn (truyện cười) ngắn, truyện thiếu nhi, truyện cổ, truyện nước ngoài đơn giản, cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của các bài thơ, ca dao, đồng

		dao, thơ, hò vè có tại địa phương. Bài thơ, ca của nước ngoài. - Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện, thơ, ca dao, hò vè. - Thể hiện sự hiểu biết khi nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, câu đố, hò vè những bài của địa phương, trong nước và quốc tế ... bằng cách trả lời rõ ràng các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đã nghe và có thể vẽ, đóng kịch, hát, vận động, kể lại chuyện, thơ theo đúng trình tự....
	MT92: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi..(CS61)	- Lắng nghe và nhận ra được các cảm xúc: vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi qua ngữ điệu lời nói của người khác.
2	Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
	MT93: Trẻ nói rõ ràng. (CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao?; Có gì giống nhau?; Có gì khác nhau?; Do đâu mà có?; - Đặt các câu hỏi: Tại sao?; Như thế nào?; Làm bằng gì?
	MT94: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. <i>Biết sử dụng một số từ song ngữ Anh – việt đơn giản trong giao tiếp hàng ngày</i>	- Sử dụng các từ loại: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ....chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. - <i>Biết chào hỏi, cảm ơn, tạm biệt, tên gọi một số loại quả, con vật gần gũi bằng tiếng anh trong giao tiếp hàng ngày.</i>
	MT95: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau
	MT96: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.

		- Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân. - <i>Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các tình huống: Tôn trọng bản thân, nói lên mong muốn, mong được tôn trọng...</i>
MT97: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)		- Trao đổi, chỉ dẫn bạn bè theo cách của trẻ để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác tranh quá trình hoạt động.
MT98: Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.(CS72)		- Chủ động nói chuyện với bạn bè, người lớn khi gặp bạn mới hay khách đến lớp.
MT99: Trẻ hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói..(CS76)		- Thể hiện qua cử chỉ, điệu bộ khi không hiểu lời nói của người khác - Chủ động dùng câu hỏi để hỏi lại khi không hiểu người khác nói.
MT100: Trẻ không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.(CS75)		- Giơ tay khi muốn nói, không nói chen vào khi người khác đang nói.
MT101: Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.(CS77)		- Chủ động sử dụng các câu: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, vâng...trong các tình huống phù hợp.
MT102: Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.(CS70)		- Kể lại sự việc theo trình tự.
MT103: Trẻ kể lại chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.(CS120)		- Kể lại truyện theo đồ vật, theo tranh.
MT104: Trẻ có thể đóng được vai các nhân vật trong truyện.		- Đóng kịch.
MT105: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với		- Tự điều chỉnh giọng nói, ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh và

	tình huống và nhu cầu giao tiếp .(CS73)	nhu cầu giao tiếp.
	MT106: Trẻ có thể kể lại nội dung truyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS71)	- Kể lại được nội dung chuyện thiếu nhi trong và ngoài nước đã nghe theo trình tự nhất định - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo truyện theo tranh thiếu nhi trong và ngoài nước, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
	MT107: Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, bài thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe nội dung các bài thơ phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung các bài đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
3	Làm quen với việc đọc, viết	
	MT108: Trẻ có thể “Đọc” theo truyện tranh đã biết (CS84)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua các tranh vẽ.
	MT109: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83)	- Làm quen với cách đọc tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải,, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu. - Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách.
	MT110: Trẻ thể hiện sự thích thú đối với sách. (CS80)	- Thể hiện sự thích thú khi nghe cô đọc sách và thường xuyên tìm sách để đọc.
	MT111: Trẻ có hành vi giữ gìn và bảo vệ sách .	- Giữ gìn và bảo vệ sách

(CS81)	
MT112: Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,..)
MT113: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói (CS 86)	- Hiểu chữ viết có thể đọc - Biết chữ viết có thể sử dụng với nhiều mục đích khác nhau trong các hoạt động.
MT114: Trẻ thích xem sách, tranh truyện bằng các phương tiện khác nhau	- Xem sách tranh truyện song ngữ - Xem video truyện thơ trên máy tính, ti vi, phòng thư viện, xem họa báo
MT115: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong MTXQ (CS79)	- Hay hỏi về chữ hoặc tự đọc các chữ cái
MT116: Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt (CS91). <i>Trẻ nhận dạng một chữ cái đã học thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua bức tương tác thông minh.</i>	- Nhận dạng được các chữ cái - Tập tô, tập đồ các nét chữ - Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - <i>Chơi các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - trò chơi Happykid (làm quen chữ cái, tập tô chữ, nhóm chữ cái) ; phần mềm bản cảm ứng tương tác.</i> - <i>Phát âm bảng chữ cái bằng tiếng anh thông qua trò chơi trên bức tương tác qua phần Kids learn ABC.</i>

	MT117: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (CS87)	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân.
	MT118: Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.(CS88)	- Trẻ sao chép từ, chữ cái theo trật tự cố định, biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hoặc thông tin nào đấy và nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó - Trẻ bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
	MT119: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Nhận biết các nhãn hàng hóa. - Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của trẻ.
	MT120: Trẻ biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình (CS89)	- Viết được tên bản thân
	MT121: Trẻ biết viết chữ cái theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới (CS90)	- Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; Hướng viết của các nét chữ - <i>Tô tô theo nét chữ qua trò chơi ABC DRAW, 123 Numbes trên bục tương tác</i>
IV	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1	Thể hiện ý thức về bản thân	
	MT122: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình

	về bản thân và gia đình. (CS27)	- Đặc điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - <i>Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học</i>
	MT123: Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.(CS58)	- Sở thích, khả năng của bản thân - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do. - <i>Học cách thỏa thuận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự tôn trọng.</i>
	MT124: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân..(CS30)	- Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi và các hoạt động khác theo sở thích của bản thân.
	MT125: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân..(CS28)	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình. - <i>Những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. Tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, khác màu da, dân tộc, màu mắt.</i>
2	Thể hiện sự tự tin, tự lực	
	MT126: Trẻ cố gắng thực hiện công việc được giao đến cùng..(CS31)	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)
	MT127: Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (CS32)	- Phấn khởi, vui vẻ sau khi hoàn thành công việc. - Kể về sản phẩm của mình với người khác. - Giữ gìn và bảo quản sản phẩm. - <i>Mọi trẻ trai hay gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</i>

	MT128: Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (CS33)	- Phát triển kỹ năng cá nhân, sự độc lập như: Chủ động làm một số công việc lao động tự phục vụ. Vệ sinh cá nhân, lau chùi đồ chơi, chải chiếu, phơi khăn....
3	Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
	MT129: Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt cử chỉ, tranh ảnh, âm nhạc và của người khác.(CS35)	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc và của người khác.
	MT130: Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt.(CS36)	- Thể hiện các cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) phù hợp với tình huống qua lời nói, cử chỉ và nét mặt.
	MT131: Trẻ biết thay đổi hành vi thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.(CS40)	- Nhận ra hành vi, thái độ cảm xúc của bản thân chưa phù hợp với hoàn cảnh và tự điều chỉnh hành vi, thái độ phù hợp.
	MT132: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn bó với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc,..)	- Nhận biết được một số địa điểm gắn bó với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc....) - Kính yêu Bác Hồ
	MT133: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét đẹp văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	- <i>Quan tâm đến di tích lịch sử như, chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân, Chùa Hồ Thiên... cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước</i> - <i>Biết được các ngày tết theo phong tục của địa phương: Tết đoàn ngộ 5/5; Rằm tháng 7.</i>
4	Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
	MT134: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. CS60)	- Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, biết chia sẻ, nhường nhịn

		quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi.
MT135: Trẻ thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)		- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè.
MT136: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)		- Biết chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè. - <i>Tôn trọng và đối xử công bằng với tất cả bạn bè xung quanh, tôn trọng sự khác biệt; Không phân biệt đối xử với các bạn có hoàn cảnh đặc biệt, các bạn có đặc điểm, ngoại hình khác với mình.</i>
MT137: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS55)		- Chủ động đề nghị sự giúp đỡ và biết sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ phù hợp để yêu cầu sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
MT138: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.(CS43)		- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi.
MT139: Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)		- Kể cho mọi người nghe về chuyện vui, buồn của mình và trao đổi chia sẻ với bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn.
MT140: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.(CS45)		- Chủ động và sẵn sàng giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự giúp đỡ .
MT141: Trẻ thực hiện một số qui định ở lớp		- Một số quy định ở lớp (lấy và cất đồ dùng cá nhân, đồ chơi đúng chỗ,) - <i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân đối với cô giáo và bạn bè mỗi khi đến lớp qua các biểu tượng lớp học hạnh</i>

		<i>phúc.</i>
	MT142: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ. - <i>Thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>
	MT143: Trẻ chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn..với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. - <i>Chơi vui vẻ với tất cả các bạn.</i>
	MT144: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên. (CS 46)	- Thường hay chơi theo nhóm bạn.
5	Quan tâm đến môi trường	
	MT145: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
	MT146: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
	MT147: Trẻ nhận biết được 1 số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường sống.(CS56)	- Biết các hành vi đúng- sai của con người đối với môi trường và nhận xét được vì sao hành vi đó đúng? và vì sao hành vi đó sai?

V	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
1	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT148: Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT149: Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).
	MT150: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục...
2	Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
	MT151: Trẻ hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - <i>Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh...</i>

MT152: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS 101)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - <i>Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc trong nước và nước ngoài. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, phối hợp, sử dụng bộ gõ cơ thể.</i>
MT153: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(CS 99)	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điển...) - <i>Nghe và nhận ra các loại nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài.</i>
MT154: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản .(CS102)	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
MT155: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé, dán, nặn, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé, dán, nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT156: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm	- Sử dụng các dụng cụ, các đồ dùng, đồ chơi, vật dụng phát ra âm thanh để gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca, dân tộc và bài hát bản nhạc nước ngoài. - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc (vận động theo nhạc, nhún theo nhịp, múa theo cô, theo nhóm, vận động theo ý thích của bản thân).
MT157: Trẻ có thể nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục

3	Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
	MT158: Trẻ có thể thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (CS118)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra các âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
	MT159: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
	MT160: Trẻ hiểu biết và phối hợp các kỹ năng tạo hình để nêu được ý tưởng, tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để thể hiện ý tưởng tạo ra sản phẩm tạo hình của mình (CS103)	- Hiểu các kỹ năng tạo hình, phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc hình dáng/ đường nét và bố cục. - Trẻ nói được ý tưởng, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - <i>Trẻ có thể vẽ theo ý thích, theo yêu cầu thông qua trò chơi trên bục tương tác qua trò chơi Finger paint</i>
	MT161: Trẻ biết thể hiện ý tưởng sáng tạo, khả năng phân biệt cao độ âm thanh của trẻ qua các hoạt động vận động âm nhạc và sáng tạo ra sản phẩm theo ý thích (CS119)	- Tự nghĩ ra các hình thức vận động, tạo ra âm thanh theo các bản nhạc, bài hát mà trẻ yêu thích. - <i>Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích, sáng tạo (sử dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem/steam/ Reggio amllia)</i> - <i>Tự phối hợp, phân biệt, sáng tạo âm thanh ghi nhớ nhắc lại các mẫu âm nhạc với công cụ, kết hợp sự khéo léo, thao tác, điều khiển sự chuyển động âm thanh trong phần mềm kidsmart.</i>

MT162: Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát). (CS117)	- Trẻ bước đầu làm quen với hình thức sáng tác âm nhạc bằng cách đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
MT163: Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình. (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Tạo ra những sản phẩm không giống bạn.
MT164: Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.(CS117)	- Đặt tên được cho sản phẩm tạo hình của mình, không bắt chước bạn. - Đặt lời theo bài thơ, câu chuyện, giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn),..
MT165: Trẻ được khám phá, trải nghiệm thực tế qua các dự án.	- Tổ chức hoạt động trải nghiệm
MT166: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (CS102).	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. <i>- Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề để thiết kế được một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.</i> <i>- Thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa vào bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm trong xưởng đồ chơi trên phần mềm kidsmart.</i>

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC.

1. Các hoạt động giáo dục

1.1. Nhà trẻ 25- 36 tháng

+ Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỷ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

+ Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan.... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 13- 36 tháng tuổi.

+ Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

+ Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

+ Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

1.2. Mẫu giáo:

+ Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.

- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

+ Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

+ Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo: Lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

+ Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức:

2.1. Trẻ nhà trẻ.

* Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

* Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

* Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

2.2. Mẫu giáo.

* Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

* Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

* Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp

3. Phương pháp giáo dục

3.1. Trẻ nhà trẻ.

* Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

* Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

*** Nhóm phương pháp thực hành**

+) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

+) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

+) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

*** Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)**

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

***. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương**

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

3.2. Mẫu giáo

*** Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm**

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của

giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

- * Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

- * Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

- * Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

- e. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4. Tổ chức môi trường giáo dục

4.1. Trẻ nhà trẻ

*** Môi trường vật chất**

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động [33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 13- 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 25- 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ, sắp xếp ở gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

*** Môi trường xã hội**

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4.2. Mẫu giáo

*** Môi trường vật chất**

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

*** *Môi trường xã hội***

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

5.1. Nhà trẻ 25-36 tháng

*** *Đánh giá trẻ hàng ngày***

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

*** Đánh giá trẻ theo giai đoạn**

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

5.2. Mẫu giáo

** Đánh giá trẻ hàng ngày*

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

** Đánh giá trẻ theo giai đoạn*

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng:

Thành lập ban Xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trường dựa trên số 01/VBHN -BGDDT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chung cho toàn trường

Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình nghiên cứu lớn có liên quan đến đơn vị.

Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của toàn trường và thực hiện kế hoạch phát triển của toàn trường theo từng giai đoạn phát triển.

Báo cáo kế hoạch thực hiện với phòng GD&ĐT Thị xã Đông Triều.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

Phối hợp với hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên 01/VBHN -BGDDT ngày 13/4/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch phát triển chương trình của nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại trường để thực hiện, công khai và tạo điều kiện để CMHS, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.

3. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục căn cứ vào kế hoạch của nhà trường và đặc điểm của trẻ và nhóm/lớp.

Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm sát với mục tiêu giáo dục của trường đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có)

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

4. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Montessori, steam, tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.

VII. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục đích:

Xác định được mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với Trường Mầm non Hoàng Quế có chất lượng trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Cung cấp được thông tin cụ thể để xác định các nội dung, các điều kiện thực hiện chương trình cần cải thiện tại Trường Mầm non Hoàng Quế và theo dõi sự thay đổi về chất lượng của Nhà trường.

Hỗ trợ cho các cán bộ quản lý và GVMN trong việc xây dựng các chương trình/ dịch vụ mới; Phát triển chương trình của Trường Mầm non Hoàng Quế phù hợp với mục tiêu, chiến lược của Nhà trường.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu của chương trình Giáo dục mầm non, đảm bảo tính khoa học, thiết thực hiệu quả phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch trong quá trình thu thập và xử lý thông tin, kết

qua đánh giá.

- Bảo đảm lấy trẻ làm trung tâm trong đánh giá và điều chỉnh kế hoạch của quá trình quản lý, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm sự phát triển của trẻ đạt kết quả mong đợi theo chương trình của nhà trường.
- Xác định nội dung các tiêu chí đánh giá phải thể hiện kết nối với mục đích đánh giá đáp ứng thực trạng và phù hợp với đối tượng kiểm tra. Tiêu chí và minh chứng để đánh giá được phát triển, mở rộng, cụ thể hóa theo yêu cầu phát triển chương trình của nhà trường.
- Sử dụng phối hợp đa dạng, linh hoạt phương pháp (quan sát, dự giờ, thăm lớp, trao đổi, phỏng vấn, tọa đàm...), chú trọng phương pháp quan sát. Lưu trữ thông tin, minh chứng để làm cơ sở việc đánh giá được thuận lợi và chính xác.
- Định hướng, khuyến khích sự tiến bộ của đối tượng được kiểm tra, đánh giá.
- Việc nhận định kết quả các mức độ đạt được dựa trên mục đích đánh giá đề ra và cụ thể đối với từng tiêu chí phải đảm bảo sự gắn kết giữa các bước trong quá trình đánh giá.

3. Tổ chức thực hiện:

Phân công phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn xây dựng bộ công cụ đánh giá, lấy đó làm cơ sở để giáo viên, các tổ chuyên môn và CBQL đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình giáo dục của nhà trường một cách kịp thời.

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện những nội dung trong chương trình, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 -2025 của trường Mầm non Hoàng Quế, yêu cầu CBQLGV xây dựng các loại kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ./.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN: (25 – 36 tháng tuổi)

Số thứ tự CDGD thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Ghi chú/Điều chỉnh
<i>Học kỳ I (thời gian từ 05/9/2024-10/01/2025)</i>			
1	Bé và các bạn	3 tuần: Từ ngày: 05/9 - 27/9/2024	
2	Đồ chơi của bé	3 tuần: Từ ngày: 30/10- 18/10/2024	
3	Bố mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần: Từ ngày 21/10 - 15/11/2024	
4	Các cô, các bác trong trường mầm non	4 tuần: Từ ngày 18/11 - 13/12/2024	
5	Những con vật gần gũi, đáng yêu	4 tuần: Từ ngày 16/12/2023-10/01/2025	<i>Kết thúc học kỳ I (18 tuần)</i>
<i>Học kỳ II (thời gian từ 13/01/2025-23/05/2025)</i>			
6	Tết và mùa xuân	3 tuần: Từ ngày 13/01 - 14/2/2024	<i>(Nghỉ tết từ 27/01/2025-08/02/2025)</i>
7	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần: Từ ngày 17/02 - 14/03/2025	
8	Bé có thể đi các nơi bằng các loại phương tiện giao thông	4 tuần: Từ ngày 17/3 – 04/04/2025	
9	Mùa hè vui vẻ	3 tuần: Từ ngày 14/04/- 02/05/2025	
10	Bé lên lớp mẫu giáo	3 tuần Từ ngày 05/05- 23/05/2025	
10 chủ đề		35 tuần	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN: (3 - 4 TUỔI)

Số thứ tự CĐGD thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Ghi chú/Điều chỉnh
<i>Học kỳ I (thời gian từ 05/9/2024-10/01/2025)</i>			
1	Trường mầm non hạnh phúc của bé	3 tuần Từ ngày: 05/9 - 27/9/2024	
2	Bản thân của Bé	4 tuần Từ ngày: 30/9- 25/10/2024	
3	Gia đình yêu thương	4 tuần Từ ngày 28/10 - 22/11/2024	
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì?	4 tuần Từ ngày 25/11 - 20/12/2024	
5	Động vật quanh bé	4 tuần Từ ngày 23/12/2024- 17/01/2025	<i>Kết thúc học kỳ I</i>
<i>Học kỳ II (thời gian từ 13/01/2025-23/05/2025)</i>			
6	Tết và mùa xuân	3 tuần Từ ngày 20/01 - 21/02/2025	<i>(Nghỉ tết từ 27/01/2025-08/02/2025)</i>
7	Cây xanh và môi trường sống	4 tuần Từ ngày 24/02 - 21/03/2025	
8	Giao thông	4 tuần Từ ngày 24/3 - 18/4/2025	
9	Bé yêu mùa hè	2 tuần Từ ngày 21/4 – 02/5/2025	
10	Quê hương – Đất nước - Bác Hồ	3 tuần Từ ngày 5/5 -23/5/2025	<i>Kết thúc học kỳ II</i>
10 chủ đề		35 tuần	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN: (4 – 5 TUỔI)

Số thứ tự CDGD thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Ghi chú/Điều chỉnh
Học kỳ I (thời gian từ 05/9/2024-10/01/2025)			
1	Trường Mầm non	3 tuần Từ ngày: 05/9 - 27/9/2024	
2	Bé yêu bản thân mình	3 tuần Từ ngày: 30/10- 18/10/2024	
3	Gia đình thân yêu của bé	4 tuần Từ ngày 21/10 - 15/11/2024	
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì	4 tuần Từ ngày 18/11 - 13/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần Từ ngày 16/12/20234- 10/01/2025	<i>Kết thúc học kỳ I (18 tuần)</i>
Học kỳ II (thời gian từ 13/01/2025-23/05/2025)			
6	Tết và mùa xuân	3 tuần Từ ngày 13/01 - 14/02/2025	<i>(Nghỉ tết từ 27/01/2025-08/02/2025)</i>
7	Thế giới thực vật	4 tuần Từ ngày 17/02 - 14/03/2025	
8	Bé vui học giao thông	4 tuần Từ ngày 17/3 – 04/4/2025	
9	Thiên nhiên diệu kì	3 tuần Từ ngày 14/4- 02/5/2025	
10	Quê hương – Đất nước - Bác Hồ	3 tuần Từ ngày 05/5 - 23/5/2024	<i>Kết thúc học kỳ II (17 tuần)</i>
10 chủ đề		35 tuần	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN: (5 – 6 TUỔI)

Số thứ tự CDGD thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Ghi chú/Điều chỉnh
<i>Học kỳ I (thời gian từ 05/9/2024-10/01/2025)</i>			
1	Trường Mầm non	3 tuần: Từ ngày: 05/9 - 27/9/2024	
2	Bé yêu bản thân mình	3 tuần: Từ ngày: 30/10- 18/10/2024	
3	Gia đình thân yêu của bé	4 tuần: Từ ngày 21/10 - 15/11/2024	
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì	4 tuần: Từ ngày 18/11 - 13/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần: Từ ngày 16/12/20234- 10/01/2025	<i>Kết thúc học kỳ I (18 tuần)</i>
<i>Học kỳ II (thời gian từ 13/01/2025-23/05/2025)</i>			
6	Tết và mùa xuân	3 tuần: Từ ngày 13/01 - 14/02/2025	<i>(Nghỉ tết từ 27/01/2025- 08/02/2025)</i>
7	Thế giới thực vật	3 tuần: Từ ngày 17/02 - 07/03/2025	
8	Bé vui học giao thông	3 tuần: Từ ngày 10/3 - 28/3/2025	
9	Thiên nhiên diệu kì	3 tuần: Từ ngày 31/3 – 18/4/2025	
10	Quê hương – Đất nước - Bác Hồ	3 tuần: Từ ngày 21/4 -8/5/2025	
11	Chuẩn bị hành trang cho bé vào tiểu học	2 tuần: Từ ngày 12/5 - 23/5/2025	<i>Kết thúc học kỳ II (17 tuần)</i>
11 chủ đề		35 tuần	

